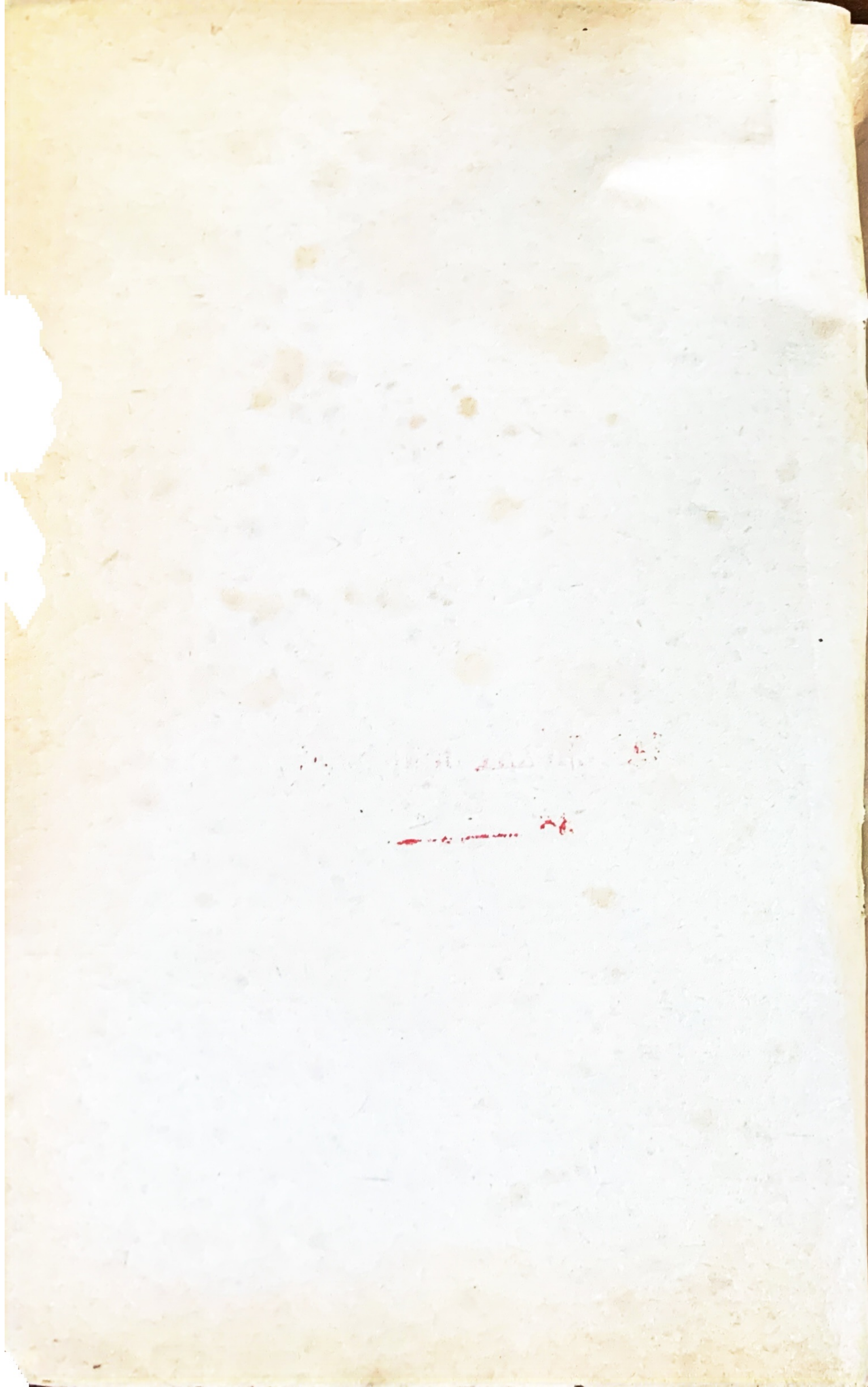
VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC,
VÀ CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC,
LIÊN HỢP LẠI !



V. LÊ-NIN — J. STA-LIN

CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ NỘI — 1969

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý, PHÊ BÌNH

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sách này gồm một số bài và đoạn trích trong các tác phẩm của Lê-nin và Sta-lin nói về cách mạng giải phóng dân tộc. Nội dung những bài và đoạn trích này giới thiệu với bạn đọc những nguyên lý cơ bản trong lý luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về cách mạng giải phóng dân tộc.

Phát triển những quan điểm của Mác và Ăng-ghen về vấn đề dân tộc, Lê-nin và Sta-lin đã chỉ rõ chủ nghĩa tư bản nói chung và đặc biệt là chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc của mọi áp bức dân tộc trong thời đại hiện nay. Ách áp bức dân tộc thể hiện dưới hình thức chủ nghĩa thực dân công khai, lộ liễu cũng như dưới hình thức chủ nghĩa thực dân che giấu ngụy trang bằng cái vỏ độc lập giả hiệu.

Muốn được giải phóng, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc không có con đường nào khác là phải làm cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng này phải là một cuộc cách mạng bạo lực tiến hành dưới hình thức khởi nghĩa của quần chúng hoặc chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược, hoặc kết hợp cả hai hình thức đó.

Trong thời đại cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản trên thế giới. Các dân tộc bị áp bức có cùng một kẻ thù chung với giai cấp vô sản là chủ nghĩa đế quốc. Con đường cứu vãn các dân tộc bị áp bức là con đường cách mạng của giai cấp vô sản chống chủ nghĩa đế quốc. Các dân tộc bị áp bức phải cùng giai cấp vô sản toàn thế giới đoàn kết lại theo khẩu hiệu của Lê-nin : « Giai cấp vô

sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, liên hợp lại!» và coi giai cấp vô sản quốc tế là bạn đồng minh tin cậy nhất của mình.

Vì các nước thuộc địa và phụ thuộc phần nhiều còn ở giai đoạn tiền tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là còn nhiều tàn tích trung cổ của chế độ phong kiến, cho nên cách mạng ở các nước này ngoài nhiệm vụ chống chủ nghĩa đế quốc, đồng thời còn phải hoàn thành nhiệm vụ chống phong kiến của một cuộc cách mạng tư sản dân chủ.

Điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc là phải có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phải thành lập chính đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Đảng cách mạng phải xây dựng khối liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản khác là những tầng lớp chiếm tuyệt đại đa số trong các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Lê-nin và Sta-lin chỉ rõ mặt tích cực của giai cấp tư sản dân tộc trong cách mạng dân tộc đồng thời vạch rõ tính chất không triệt để của họ, khuynh hướng của họ muốn thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc. Trên cơ sở phân tích tính chất hai mặt của giai cấp tư sản dân tộc, hai ông đã nêu lên những nguyên tắc về sách lược lập mặt trận với giai cấp tư sản dân tộc : một mặt ủng hộ họ, thống nhất hành động với họ trong chừng mực họ còn có tác dụng cách mạng, với điều kiện giữ vững tính độc lập của Đảng cách mạng của giai cấp vô sản, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương, khuynh hướng thỏa hiệp của họ. Trong điều kiện giai cấp tư sản dân tộc ngày càng có khuynh hướng thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc thì giai cấp công nhân và đảng tiền phong của nó phải giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và nắm chắc quyền lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc để đảm bảo cho cuộc cách mạng này thắng lợi triệt để.

Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm của cách mạng Nga, kinh nghiệm của cuộc chiến tranh cách mạng chống thù trong giặc ngoài sau Cách mạng tháng Mười, Lê-nin chỉ rõ phong trào giải

phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức nếu thực sự thức tỉnh được hàng triệu người lao động và bị bóc lột thì sẽ đưa lại nhiều điều kỳ diệu, sẽ có thể chiến thắng bất cứ chủ nghĩa đế quốc hùng mạnh nào. Thực tiễn cách mạng hơn 50 năm qua đã chứng tỏ dự kiến trên đây của Lê-nin là hoàn toàn đúng. Quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho cách mạng vô sản đánh đổ đế quốc lúc đầu ở một nước riêng biệt là nước Nga.

Từ đó đến nay cũng chính quy luật đó đã tạo điều kiện cho cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc đánh lui từng bước và đánh đổ từng bộ phận chủ nghĩa đế quốc trên thế giới. Sự hình thành phe xã hội chủ nghĩa bao gồm không những chỉ các nước trước kia là nước tư bản mà cả những nước trước kia là thuộc địa là thành quả của quá trình cách mạng liên tục đó.

Trong khi chỉ ra đường lối cho cách mạng giải phóng dân tộc, Lê-nin cũng đã nêu lên luận điểm nổi tiếng về con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Người chỉ rõ trong thời đại hiện nay, với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc sau khi đã được giải phóng khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân, trải qua những giai đoạn phát triển nhất định, có thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Trên đây là tóm tắt những nguyên lý chủ yếu về cách mạng giải phóng dân tộc trình bày trong những bài và đoạn trích đưa vào cuốn sách này, xin trân trọng giới thiệu để bạn đọc tìm hiểu.

Tháng 12 năm 1968

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

V. LÊ-NIN

Trích

LỜI TỰA VIẾT CHO CUỐN SÁCH CỦA BU-KHA-RIN « NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC »

... Chủ nghĩa tư bản đã trải qua một thời kỳ tương đối « hòa bình », khi nó đã hoàn toàn chiến thắng chế độ phong kiến trong những nước tiên tiến ở châu Âu và khi nó có thể phát triển một cách — *tương đối* — yên ổn nhất và thuận lợi nhất bằng cách lan rộng « một cách hòa bình » đến những vùng đất đai còn rộng lớn chưa ai chiếm và đến những nước hãy còn chưa hoàn toàn bị lôi cuốn vào trong cơn lốc tư bản chủ nghĩa. Đương nhiên, ngay cả trong thời kỳ đó — khoảng từ năm 1871 đến 1914 — chủ nghĩa tư bản « hòa bình » đó đã tạo ra những điều kiện sinh hoạt còn vô cùng xa mới có thể đạt được đến mức của những điều kiện trong một nền « hòa bình » thật sự, theo cả ý nghĩa quân sự, lẫn ý nghĩa giai cấp nói chung của danh từ ấy. Đối với 9 phần 10 dân cư ở các nước thuộc địa và ở các nước chưa phát triển, thời kỳ đó không phải là « hòa bình », mà là áp bức, là đau khổ, là khủng khiếp, sự khủng khiếp này càng tỏ ra là một « sự khủng khiếp không bao giờ chấm dứt » bao nhiêu thì chắc chắn lại càng kinh khủng hơn bấy nhiêu. Thời kỳ đó đã chấm

dứt hẳn rồi ; nó đã được thay thế bằng một thời kỳ tương đối kịch liệt hơn, có những bước nhảy vọt, những tai họa, những sự xung đột, một thời kỳ trong đó cái trở nên điển hình đối với quần chúng nhân dân không phải là sự « khủng khiếp không bao giờ chấm dứt » mà là « sự chấm dứt đầy khủng khiếp ».

Lê-nin: *Toàn tập,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 22, tr. 127 — 128.

Trích tác phẩm

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC GIAI ĐOẠN TỘT CÙNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

. . . . .

Trước hết, các liên minh tư bản độc quyền — các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rớt — chia nhau thị trường trong nước bằng cách chiếm hữu, với mức độ ít nhiều hoàn toàn, nền sản xuất trong nước họ. Nhưng, dưới chế độ tư bản, thị trường trong nước lại tất nhiên gắn liền với thị trường nước ngoài. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra thị trường thế giới từ lâu rồi. Việc xuất khẩu tư bản càng tăng lên, và những quan hệ về mọi mặt với nước ngoài và các thuộc địa, cũng như những « khu vực ảnh hưởng » của các liên minh độc quyền lớn nhất càng được mở rộng, thì «tự nhiên là » tình thế sẽ đưa đến một sự thỏa thuận quốc tế giữa các liên minh này, đến sự hình thành những các-ten quốc tế.

. . . . .

Thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại chỉ cho ta thấy rằng : giữa các liên minh tư bản chủ nghĩa, một số quan hệ nào đó đã được xác lập, *trên cơ sở* phân chia thế giới về kinh tế ; song song với tình trạng đó và do tình trạng đó thì giữa các liên minh chính trị, giữa các nước, một số quan hệ nào đó cũng được xác lập, trên cơ sở phân chia lãnh thổ thế giới, tranh giành thuộc địa, « tranh giành lãnh thổ kinh tế ».

. . . . .

Thuộc địa của các cường quốc lớn

(Tính thành triệu cây số vuông và thành triệu người)

	Thuộc địa				Chính quốc		Tổng cộng	
	1876		1914		1914		1914	
	Cây số vuông	Người	Cây số vuông	Người	Cây số vuông	Người	Cây số vuông	Người
Anh	22,5	251,9	33,5	393,5	0,3	46,5	38,8	440,0
Nga	17,0	15,9	17,4	33,2	5,4	136,2	22,8	169,4
Pháp . . .	0,9	6,0	10,6	55,5	0,5	39,6	11,1	95,2
Đức	—	—	2,9	12,3	0,5	64,9	3,4	77,2
Mỹ.	—	—	0,3	9,7	9,4	97,0	9,7	106,7
Nhật. . . .	—	—	0,3	19,2	0,4	53,0	0,7	72,2
Tổng cộng 6 cường quốc lớn	40,4	273,8	65,0	523,4	16,5	437,2	81,5	960,6
— Thuộc địa của các cường quốc khác (Bỉ, Hà-lan, v.v...)							9,9	45,3
— Nửa thuộc địa (Ba-tư, Trung-quốc, Thổ).							14,5	361,2
— Các nước khác							28	289,9
— Toàn bộ diện tích và dân số trên trái đất							133,9	1657,0

Bảng này chỉ rõ ràng cho ta thấy rằng bước vào thế kỷ XX, việc phân chia thế giới đã « làm xong ». Sau năm 1876, các thuộc địa được mở rộng theo những quy mô rất lớn: đối với sáu cường quốc lớn nhất thì diện tích các thuộc địa tăng lên từ 40 đến 65 triệu cây số vuông, tức là rộng gấp rưỡi trước kia. Số tăng thêm là 25 triệu cây số vuông, nghĩa là lớn gấp một lần rưỡi diện tích các chính quốc (16 triệu 50 vạn). Năm 1876, ba cường quốc không có một thuộc địa nào cả, và cường quốc thứ tư là nước Pháp thì gần như không có. Năm 1914, bốn cường quốc này có 14 triệu 10 vạn cây số vuông thuộc địa, tức là một diện tích lớn chừng gấp rưỡi diện tích châu Âu, với dân số gần 100 triệu người. Việc bành trướng thuộc địa chênh lệch nhau rất lớn. Nếu so sánh chẳng hạn Pháp, Đức và Nhật, là những nước mà diện tích và dân số không khác nhau lắm, thì ta nhận thấy là trong số các nước này nước Pháp đã chiếm đoạt thuộc địa (về mặt diện tích) gần gấp 3 lần thuộc địa của hai nước kia tính gộp lại. Nhưng tính về mặt tư bản tài chính thì nước Pháp hồi đầu thời kỳ nói trên, có lẽ cũng còn giàu gấp mấy lần các nước Đức và Nhật gộp lại. Ngoài những điều kiện thuần túy kinh tế ra và trên cơ sở những điều kiện đó, thì những điều kiện địa lý và những điều kiện khác nữa cũng ảnh hưởng đến quy mô thuộc địa. Dưới áp lực của đại công nghiệp, của sự trao đổi và của tư bản tài chính, trong mấy chục năm gần đây, quá trình làm cho các nước tiến lên ngang mức nhau, làm cho những điều kiện kinh tế và sinh hoạt trong các nước trở thành ngang nhau, dù có diễn ra nhanh chóng như thế nào nữa, thì giữa các nước đó vẫn còn có những sự chênh lệch đáng kể. Trong 6 cường quốc lớn kể trên, người ta thấy một mặt là những nước tư bản trẻ tuổi (Mỹ, Đức, Nhật) tiến bộ hết sức nhanh chóng; mặt khác là

những nước tư bản già cỗi (Pháp, Anh) trong thời gian gần đây, lại phát triển chậm hơn các nước trên nhiều; và sau hết là một nước lạc hậu nhất về kinh tế (Nga), trong đó, chủ nghĩa đế quốc tư bản hiện đại có thể nói là bị bao bọc trong một hệ thống đặc biệt dày đặc những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa.

Bên cạnh các thuộc địa của những cường quốc lớn, chúng tôi đã kể cả những thuộc địa nhỏ của những nước nhỏ. Các thuộc địa này có thể nói là đối tượng trực tiếp của một « sự phân chia lại » có thể và chắc chắn sẽ xảy ra. Phần lớn những nước nhỏ này chỉ giữ được thuộc địa của mình nhờ có những sự đối lập về quyền lợi, những sự va chạm, v.v., giữa các cường quốc lớn là những cái đã làm cản trở không cho các cường quốc lớn đó thỏa thuận với nhau trong việc phân chia của cướp được. Còn về những nước « nửa thuộc địa », thì đó là những ví dụ về những hình thức quá độ mà người ta thấy có trong tất cả các lĩnh vực của tự nhiên và của xã hội. Tư bản tài chính là một lực lượng có thể nói là hết sức hùng mạnh, có tính chất quyết định trong mọi quan hệ kinh tế và quốc tế, đến mức nó có khả năng bắt và thực tế đã bắt ngay cả những nước đang độc lập hoàn toàn về chính trị cũng phải phục tùng nó. Lát nữa, chúng ta sẽ thấy những ví dụ về điều đó. Cố nhiên, cái làm cho tư bản tài chính có được những « điều thuận tiện » lớn nhất và thu được nhiều điều lợi nhất, đó là một sự *phục tùng* khiến cho những nước, những dân tộc bị nó chi phối, mất quyền độc lập chính trị của mình. Về mặt này, các nước nửa thuộc địa là điển hình cho hình thức « trung gian ». Dĩ nhiên là, khi mà bộ phận còn lại của thế giới đã bị phân chia rồi, thì cuộc đấu tranh để giành những nước nửa phụ thuộc đó, đặc biệt phải trở nên gay gắt trong thời đại tư bản tài chính.

Chính sách thực dân và chủ nghĩa đế quốc đã có trước giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản và trước ngay cả chủ nghĩa tư bản nữa. La-mã được xây dựng trên cơ sở chế độ nô lệ, trước đây đã tiến hành chính sách thực dân và đã thực hành chủ nghĩa đế quốc rồi. Song những nghị luận « chung chung » về chủ nghĩa đế quốc, vì bỏ qua hoặc xem nhẹ sự khác nhau căn bản của những hình thái kinh tế — xã hội, nên nhất định trở thành những câu vô vị, rỗng tuếch, hay những câu khoác lác, như việc so sánh « Đại La-mã » với « Đại Anh quốc* ». Ngay cả chính sách thực dân của chủ nghĩa tư bản, trong các giai đoạn *trước kia* của nó, cũng hoàn toàn khác với chính sách thực dân của tư bản tài chính.

Đặc điểm căn bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại là sự thống trị của các liên minh độc quyền do bọn kinh doanh lớn nhất lập nên. Các tổ chức độc quyền này trở nên vững chắc nhất khi một mình chúng chiếm đoạt được *hết thảy* các nguồn nguyên liệu. Ta đã thấy các liên minh tư bản quốc tế hăng hái biết bao nhiêu để cố gắng tước mọi khả năng cạnh tranh của đối thủ, để mua lại chẳng hạn các vùng có mỏ sắt hay các nguồn dầu lửa, v.v. Chỉ có việc chiếm hữu các thuộc địa mới hoàn toàn đảm bảo cho các tổ chức độc quyền đối phó với mọi trường hợp bất trắc trong cuộc đấu tranh với những đối thủ của mình, ngay cả khi những đối thủ này định tìm cách tự vệ bằng một đạo luật về chế độ độc quyền Nhà nước. Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay go, và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên thế giới càng ráo riết thì cuộc đấu tranh để chiếm thuộc địa càng quyết liệt hơn.

---

* C.P. Lucas : *Greater Rome and Greater Britain, Oxford, 1912* hay Earl of Cromer : *Ancient and modern Imperialism*, Luân-đôn, 1910.

. . . . .

Tư bản tài chính không những chỉ chú ý đến những nguồn nguyên liệu mà người ta đã tìm ra. Nó còn chú ý cả đến những nguồn có thể có được nữa ; vì hiện nay, kỹ thuật phát triển nhanh chóng không thể tưởng tượng được, và những đất đai hôm nay chưa dùng được thì ngày mai có thể trở thành hữu dụng, nếu tìm ra được những phương pháp mới (để đạt mục đích đó, ngân hàng lớn có thể tổ chức một đoàn nghiên cứu đặc biệt, gồm kỹ sư, các nhà nông học, v.v.), với điều kiện là người ta bỏ vào đó những số tư bản lớn. Đối với những cuộc thăm dò những tài nguyên khoáng sản, đối với những phương pháp mới để chế biến và sử dụng nguyên liệu v.v., v.v., thì cũng vậy. Do đó, tư bản tài chính không thể tránh khỏi có xu hướng muốn mở rộng lãnh thổ kinh tế của nó, và ngay cả lãnh thổ nói chung. Nếu các tơ-rớt đem tư bản hóa số của cải của mình bằng cách đánh giá của cải đó gấp hai hay ba lần, tính trước những số lời « có thể thu được » sau này (chứ không phải số tiền lời hiện tại) và tính trước những kết quả tương lai của tổ chức độc quyền, thì tư bản tài chính cũng thế, nói chung nó có xu hướng muốn nắm lấy thật nhiều đất, dù đất đai đó như thế nào, dù đất đai ở đâu và bất cứ bằng cách nào, vì nó tính đến những nguồn nguyên liệu có thể có và vì sợ bị lạc hậu trong cuộc tranh giành điên cuồng để phân chia những mảnh đất cuối cùng chưa bị phân chia trên thế giới, hoặc chia lại những mảnh đất đã chia rồi.

. . . . .

Lợi ích của việc xuất khẩu tư bản cũng thúc đẩy sự xâm chiếm thuộc địa, vì trên thị trường thuộc địa mới dễ dàng — và đôi khi chỉ có trên thị trường đó mới có thể — loại trừ được kẻ cạnh tranh bằng những thủ đoạn

độc quyền, mới đảm bảo được cho mình nắm lấy việc cung cấp hàng hóa, củng cố những mối « liên hệ » cần thiết, v.v...

. . . . .

Khi nói đến chính sách thực dân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, thì cần chú ý rằng tư bản tài chính và chính sách quốc tế thích ứng với nó — chính sách này rút lại chỉ là cuộc đấu tranh của các cường quốc lớn để phân chia thế giới về mặt kinh tế và chính trị — đã tạo nên hàng loạt hình thức lệ thuộc có *tính chất quá độ* của các nước. Tiêu biểu cho thời đại đó không những chỉ có hai loại nước chủ yếu: những nước có thuộc địa và những thuộc địa, mà còn có nhiều nước phụ thuộc với hình thức khác nhau, những nước này trên hình thức thì được hưởng độc lập chính trị, nhưng thực tế lại mắc vào cái lưới phụ thuộc về tài chính và ngoại giao. Trước đây, chúng tôi đã nêu ra một trong những hình thức ấy là: những nước nửa thuộc địa. Có một hình thức khác nữa, mà kiểu mẫu là Ác-giăng-tin, chẳng hạn.

Trong tác phẩm nói về chủ nghĩa đế quốc Anh, Sun-xe Ghê-véc-nit-xơ viết: « Nam Mỹ, và nhất là Ác-giăng-tin, đang ở vào một tình trạng phụ thuộc về tài chính đối với Luân-đôn đến nỗi nên gọi nó hầu như là một thuộc địa thương nghiệp của Anh vậy »*. Dựa theo tài liệu của viên lãnh sự Áo — Hung ở Bu-ê-nốt — Ai-rét năm 1909, Sin-đơ đã tính rằng số tư bản Anh đầu tư vào Ác-giăng-tin là 8 tỷ 750 triệu phơ-răng. Chúng ta có thể hình dung một cách dễ dàng rằng việc đó bảo đảm

---

* Schulze—Gaevernitz: *Britischer Impérialismus und englischer Freihandel zu Beginn des 20-ten Jahrhunderts*, Lép-dích, 1906, tr. 318; Sartorius von Watershausen cũng nói như vậy trong cuốn sách của ông; *Das volkswirtschaf tliche System der Kapitalanlage im Auslande*, Bá-linh, 1907, tr. 46.

cho tư bản tài chính — và « bạn » trung thành của nó là ngoại giao — của nước Anh, những mối liên hệ vững chắc như thế nào với giai cấp tư sản Ác-giăng-tin, với các giới lãnh đạo toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị của nước này.

Bồ-đào-nha là một ví dụ về hình thức phụ thuộc tài chính và ngoại giao hơi khác một chút, trong điều kiện có độc lập chính trị. Bồ-đào-nha là một nước có chủ quyền, một nước độc lập, nhưng thực tế thì từ hơn 200 năm nay, từ khi có cuộc chiến tranh để chiếm quyền thừa kế Tây-ban-nha (1701 — 1714), Bồ-đào-nha đã bị đặt dưới quyền bảo hộ của Anh rồi. Nước Anh đã bảo vệ Bồ-đào-nha và các thuộc địa của nước này, để củng cố trận địa riêng của mình trong cuộc đấu tranh chống những đối thủ của mình là Tây-ban-nha và Pháp. Để bù lại, nước Anh đã được hưởng những khoản lợi về thương nghiệp, những điều kiện tốt nhất trong việc xuất khẩu hàng hóa và nhất là trong việc xuất khẩu tư bản sang Bồ-đào-nha và các thuộc địa của nước này, đã được hưởng khả năng sử dụng các bến tàu và các hòn đảo cùng những đường dây điện ngầm của Bồ-đào-nha, v.v., v.v. Những quan hệ như thế đều luôn luôn có giữa các nước nhỏ và lớn. Nhưng trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, những quan hệ đó trở thành một chế độ phổ biến, thành một bộ phận trong toàn bộ những quan hệ của « sự phân chia thế giới »; những quan hệ đó biến thành những cái khâu của những hoạt động của tư bản tài chính thế giới.

. . . .

Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật Hà nội, 1963, t. 22, tr. 305, 314, 320, 327.

Trích bài

« BÀN VỀ CUỐN SÁCH NHỎ CỦA I-U-NI-ÚT »

... Những cuộc chiến tranh dân tộc không phải chỉ có thể xảy ra, mà trong thời đại đế quốc chủ nghĩa thì những cuộc chiến tranh như vậy là *không thể tránh được* đối với những nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Những nước thuộc địa và nửa thuộc địa (Trung-quốc, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư) đông chừng một tỷ dân, nghĩa là *trên một nửa* dân số thế giới. Những phong trào giải phóng ở các nước đó hoặc đã rất lớn mạnh, hoặc đang phát triển và chín muồi. Bất cứ một cuộc chiến tranh nào cũng là sự tiếp tục của chính trị bằng những thủ đoạn khác. Việc các thuộc địa tiếp tục chính sách giải phóng dân tộc *nhất định* sẽ khiến cho các thuộc địa tiến hành những cuộc chiến tranh dân tộc *chống* chủ nghĩa đế quốc. Những cuộc chiến tranh dân tộc này *có thể* dẫn đến một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa của các « đại » cường quốc đế quốc chủ nghĩa hiện nay, mà cũng có thể là không, điều đó còn tùy nhiều trường hợp.

... Ngay cả ở châu Âu nữa, chúng ta cũng không thể cho rằng những cuộc chiến tranh dân tộc không thể xảy ra trong thời đại đế quốc chủ nghĩa được. « Thời đại của chủ nghĩa đế quốc » đã làm cho cuộc chiến tranh hiện nay có tính chất đế quốc chủ nghĩa, nó nhất

định (chừng nào mà chủ nghĩa xã hội chưa được thiết lập) sẽ gây ra những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới, nó đã tiêm nhiễm chủ nghĩa đế quốc vào chính sách của các cường quốc hiện nay, nhưng nó không hề loại trừ những cuộc chiến tranh dân tộc, chẳng hạn của các nước nhỏ (ví dụ: các nước bị thôn tính hay bị áp bức dân tộc) *chống* những cường quốc đế quốc chủ nghĩa, cũng như nó không loại trừ những phong trào dân tộc đại qui mô ở Đông Âu... Trong trường hợp những « đại » cường quốc bị suy yếu nhiều trong cuộc chiến tranh này, hay nếu cách mạng thắng lợi ở Nga, thì những cuộc chiến tranh dân tộc, thậm chí cả những cuộc chiến tranh dân tộc thắng lợi nữa, là hoàn toàn có thể xảy ra được. Trước hết là trên thực tế, các cường quốc đế quốc chủ nghĩa *không* có thể can thiệp được trong bất cứ điều kiện nào. Sau nữa là, khi người ta khẳng định một cách không suy nghĩ rằng chiến tranh của một nước nhỏ chống một nước khổng lồ là chiến tranh vô hy vọng, thì cần phải nhận rõ ràng một cuộc chiến tranh vô hy vọng cũng vẫn là một cuộc chiến tranh; hơn nữa, một số hiện tượng xảy ra trong lòng những « nước khổng lồ », chẳng hạn như bước đầu của một cuộc cách mạng, có thể biến một cuộc chiến tranh « vô hy vọng » thành một cuộc chiến tranh « đầy hy vọng ».

... Những cuộc chiến tranh dân tộc *chống* những cường quốc đế quốc chủ nghĩa không phải chỉ có thể xảy ra và có khả năng xảy ra, mà còn là không thể tránh được, và có tính chất *tiến bộ, cách mạng, dù rằng thắng lợi* của những cuộc cách mạng đó tất nhiên đòi hỏi hoặc là một số rất lớn dân cư của những nước bị áp bức (hàng trăm triệu dân như trong ví dụ chúng tôi đã đưa ra, ví dụ về Ấn-độ và Trung-quốc) phải cùng nhau nỗ lực, hoặc là tình hình thế giới *đặc biệt* thuận lợi

(chẳng hạn các cường quốc đế quốc chủ nghĩa không thể can thiệp được vì bị suy yếu, vì có chiến tranh giữa chúng với nhau, vì có sự đối kháng giữa chúng với nhau, v.v.) hoặc là *đồng thời* có cuộc nổi dậy của giai cấp vô sản của một trong những cường quốc, chống lại giai cấp tư sản (trường hợp chúng tôi nêu ra sau đây, thực ra là đứng vào hàng đầu, nghĩa là trường hợp đáng mong nhất và có lợi nhất cho thắng lợi của giai cấp vô sản).

Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 22, tr. 385—388.

Trích bài

“BÀN VỀ MỘT SỰ PHỎNG HỌA XUYÊN TẠC CHỦ NGHĨA MÁC VÀ VỀ „CHỦ NGHĨA KINH TẾ ĐẾ QUỐC””

Vấn đề lại không phải như thế* ở những nước *không* phát triển, ở những nước mà chúng tôi đã xếp (ở đoạn 6 của cương lĩnh chúng tôi) vào đề mục 2 và 3, nghĩa là toàn bộ Đông Âu và tất cả các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Nói chung thì ở đấy, *hãy còn* có những nước bị áp bức và chưa phát triển về phương diện tư bản chủ nghĩa. Trong những nước này, thì *khách quan* mà nói, vẫn còn những nhiệm vụ toàn dân tộc, hay nói một cách chính xác hơn, vẫn còn những nhiệm vụ *dân chủ nhằm lật đổ ách thống trị của một nước ngoài.*

Chính Ăng-ghen đã dẫn chứng nước Ấn-độ, coi là một kiểu mẫu về những nước nói trên, và cho rằng Ấn-độ có thể làm cách mạng chống lại chủ nghĩa xã hội chiến thắng, đó là vì Ăng-ghen không biết tới cái « chủ nghĩa kinh tế đế quốc » lố bịch là chủ nghĩa cho rằng một khi đã thắng lợi trong các nước tiên tiến thì giai cấp vô sản chỉ « trở tay một cái » là hủy bỏ được ách áp

---

* Ở đoạn trên Lê-nin đang nói về trường hợp các nước tư bản tiên tiến là những nước mà tại đó vấn đề dân tộc đã được giải quyết từ lâu. *(B.T.)*

bức dân tộc ở khắp mọi nơi, mà không cần đến các biện pháp *dân chủ* nhất định. Giai cấp vô sản đã chiến thắng trong những nước nào thì họ sẽ cải tạo lại những nước đó. Người ta chẳng thể làm được việc đó hoàn toàn ngay tức khắc, và người ta cũng không thể « đánh bại » giai cấp tư sản hoàn toàn ngay tức khắc được.

Trong lúc giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến lật đổ giai cấp tư sản và đẩy lùi các mưu toan phản cách mạng của chúng, thì các nước chậm phát triển và bị áp bức không chờ đợi, họ vẫn cứ sống và vẫn không biến mất đi. Nếu những nước này biết lợi dụng cuộc khủng hoảng của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa — dù chỉ là một cuộc khủng hoảng hết sức nhẹ so với cuộc cách mạng xã hội, như cuộc chiến tranh 1915—1916 để nổi dậy (thí dụ như trường hợp các thuộc địa, trường hợp xứ Ai-rơ-lan) thì tất nhiên họ càng phải biết lợi dụng cuộc *khủng hoảng* lớn là cuộc nội chiến trong các nước tiên tiến, để đạt mục đích trên.

Cuộc cách mạng xã hội chỉ có thể tiến hành được dưới hình thức một thời đại kết hợp cuộc nội chiến của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản trong các nước tiên tiến, với cả *một loạt* phong trào dân chủ và cách mạng, kể cả những phong trào giải phóng dân tộc trong các nước chưa phát triển, lạc hậu và bị áp bức.

Tại sao vậy? Đó là vì chủ nghĩa tư bản phát triển không đều, và vì thực tế khách quan đã chỉ cho ta thấy rằng bên cạnh những nước tư bản phát triển cao còn có cả một loạt những nước phát triển rất chậm và hoàn toàn chưa phát triển về mặt kinh tế...

. . . . .

Bất cứ một sự áp bức dân tộc nào cũng gây ra phản kháng trong *quảng đại quần chúng* nhân dân, và bất

cứ một sự phản kháng nào của một dân bị áp bức về mặt dân tộc cũng có *xu hướng* đi đến hình thức khởi nghĩa dân tộc.

. . . .

Nếu trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, các cuộc khởi nghĩa dân tộc có thể xảy ra được, thì các cuộc chiến tranh dân tộc cũng có thể xảy ra được. Về mặt chính trị, không có sự khác nhau đáng kể nào giữa các cuộc khởi nghĩa và các cuộc chiến tranh đó. Các nhà sử học quân sự chuyên về chiến tranh đã hoàn toàn có lý khi họ xếp các cuộc khởi nghĩa vào với các cuộc chiến tranh...

Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 23, tr. 72, 73, 74, 76.

Trích bài

« BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI II TOÀN NGA CỦA CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN CỦA CÁC DÂN TỘC MIỀN ĐÔNG »

... Khi quần chúng lao động bị áp bức đã thực sự tham gia một cuộc chiến tranh cách mạng và quan tâm đến nó, một khi cuộc chiến tranh này làm cho họ nhận thức rõ là họ đấu tranh để chống bọn bóc lột, thì cuộc chiến tranh cách mạng đó sẽ kích thích tính tích cực và tạo ra tài năng làm nên những chuyện diệu kỳ.

Theo tôi, cái mà Hồng quân đã làm xong, cuộc đấu tranh mà nó đã tiến hành và lịch sử thắng lợi của nó, đều sẽ có một ý nghĩa toàn thế giới rất to lớn đối với tất cả các dân tộc ở miền Đông. Lịch sử thắng lợi đó sẽ chỉ cho các dân tộc ở miền Đông thấy rõ rằng, dù họ còn yếu, dù lực lượng của bọn người Âu đi áp bức có vẻ bất khả chiến thắng khi chúng đem dùng vào cuộc đấu tranh mọi cái kỳ diệu của kỹ thuật và của nghệ thuật quân sự, nhưng cuộc chiến tranh cách mạng do các dân tộc bị áp bức đang tiến hành, nếu thực sự thức tỉnh được hàng triệu người lao động và bị bóc lột, thì sẽ đưa lại nhiều khả năng, nhiều cái kỳ lạ; rằng sự giải phóng các dân tộc miền Đông ngày nay là điều hoàn toàn có thể thực hiện được trong thực tiễn, thực hiện được chẳng những đứng về mặt tiền đồ của cách mạng quốc

tế mà nói, mà cả đứng về mặt kinh nghiệm trực tiếp về chiến tranh, rút ra ở châu Á, ở Xi-bi-ri, kinh nghiệm mà nước cộng hòa xô-viết đã rút ra sau khi bị tất cả các cường quốc đế quốc chủ nghĩa xâm lược bằng quân sự.

Phải nói rằng nếu những người bôn-sê-vích Nga đã có thể mở được một đột phá khẩu trong chủ nghĩa đế quốc già cỗi, có thể đảm nhận một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn nhưng cao quý tuyệt vời là mở những con đường mới cho cách mạng, thì một nhiệm vụ lớn hơn và mới hơn nữa còn đang chờ các đồng chí, những người đại biểu cho quần chúng lao động miền Đông. Điều trở nên hoàn toàn rõ ràng là cách mạng xã hội chủ nghĩa đang tiến lên trên toàn thế giới, tuyệt nhiên sẽ không phải chỉ là thắng lợi của giai cấp vô sản ở mỗi nước đối với giai cấp tư sản nước mình. Có thể sẽ là như vậy, nếu các cuộc cách mạng đều hoàn thành nhanh chóng và dễ dàng. Chúng ta biết rằng bọn đế quốc sẽ không chịu để cho ta làm như thế, rằng tất cả các nước đều vũ trang để chống lại chủ nghĩa bôn-sê-vích trong nước và chỉ nghĩ đến cách làm sao thắng được chủ nghĩa bôn-sê-vích ở ngay trong nước. Cho nên, trong mỗi nước, một cuộc nội chiến đang diễn ra trong đó bọn xã hội thỏa hiệp cũ bị lôi cuốn tham gia bên cạnh giai cấp tư sản. Vậy cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ không phải chỉ là và chủ yếu là một cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cách mạng ở từng nước chống lại giai cấp tư sản ở nước mình; không phải thế, đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả những nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc, chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Trong cương lĩnh của Đảng ta được thông qua hồi tháng Ba năm ngoái, khi nhận định tình hình sắp xảy ra cuộc cách mạng xã hội toàn thế giới, chúng ta

đã nói rằng, trong tất cả các nước tiên tiến, cuộc nội chiến của những người lao động chống bọn đế quốc và bọn bóc lột, đang bắt đầu hợp nhất với cuộc chiến tranh dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Điều đó đã được tiến trình cách mạng xác nhận, và sẽ ngày càng được xác nhận rõ hơn. Ở miền Đông, tình hình cũng sẽ như vậy.

Chúng ta biết rằng quần chúng nhân dân ở miền Đông là những người tham gia đấu tranh một cách độc lập và là những người sáng tạo ra cuộc sống mới, họ sẽ vùng dậy, vì hàng trăm triệu con người đó đều thuộc các dân tộc bị lệ thuộc, không có đầy đủ mọi quyền lợi, tức là những dân tộc mà cho đến nay, vẫn là đối tượng của chính sách quốc tế của chủ nghĩa đế quốc, và chỉ là một thứ phân bón cho nền văn hóa và văn minh tư bản chủ nghĩa. Và khi người ta nói đến việc phân phối quyền ủy trị thuộc địa, chúng ta hoàn toàn hiểu rằng đó là vấn đề phân phối quyền tước đoạt và cướp bóc, phân phối cho một tối thiểu số dân cư trên trái đất quyền bóc lột đa số dân cư trên quả địa cầu. Đa số này, cho đến nay, vẫn hoàn toàn đứng ngoài bước tiến của lịch sử, vì chưa thể là một lực lượng cách mạng độc lập, nhưng, như chúng ta đã biết, từ đầu thế kỷ XX, đa số đó không còn đóng một vai trò thụ động nữa. Chúng ta biết rằng sau 1905, nhiều cuộc cách mạng đã nổ ra ở Thổ, Ba-tư và Trung-quốc ; một phong trào cách mạng đã phát triển ở Ấn-độ. Chiến tranh đế quốc chủ nghĩa cũng đã làm cho phong trào cách mạng phát triển, vì người ta đã buộc phải lôi kéo rất nhiều binh đoàn quân thuộc địa tham gia cuộc đấu tranh của bọn đế quốc châu Âu. Chiến tranh đế quốc cũng đã thức tỉnh phương Đông, đã lôi cuốn các dân tộc ở phương Đông vào đời sống chính trị quốc tế. Anh và Pháp đã vũ trang cho các dân tộc thuộc địa, đã giúp

cho họ thông hiểu kỹ thuật quân sự và các máy móc hoàn bị. Và các dân tộc đó sẽ dùng những hiểu biết đó để chống lại các ngài đế quốc. Sau thời kỳ phương Đông thức tỉnh cuộc cách mạng hiện đại đã bước vào một thời kỳ mà tất cả các dân tộc ở phương Đông đều tham gia định đoạt vận mệnh thế giới để khỏi phải là một đối tượng làm giầu độc nhất cho kẻ khác nữa. Các dân tộc ở phương Đông đang nhận rõ là cần phải hành động thực tiễn, cần phải làm sao cho mỗi dân tộc đều quyết định được vấn đề số phận của cả loài người.

Cho nên, tôi thiết tưởng rằng trong lịch sử phát triển của cách mạng thế giới, — là cuộc cách mạng, nếu xét theo những bước đầu của nó, sẽ còn kéo dài nhiều năm và đòi hỏi nhiều cố gắng, — trong cuộc đấu tranh cách mạng, trong phong trào cách mạng, các đồng chí sẽ phải đóng một vai trò quan trọng và trong cuộc đấu tranh đó phải phối hợp với cuộc đấu tranh của chúng tôi chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Việc các đồng chí tham gia cuộc cách mạng quốc tế sẽ đặt các đồng chí trước một nhiệm vụ phức tạp và khó khăn; việc giải quyết nhiệm vụ này sẽ là cơ sở của thắng lợi chung, vì đây là lần đầu tiên mà đa số dân cư sẽ tiến hành một phong trào độc lập và sẽ là một nhân tố tích cực trong cuộc đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Phần đông các dân tộc miền Đông đều ở vào một tình cảnh tệ hơn là nước Nga, một nước lạc hậu nhất châu Âu; nhưng chúng tôi đã tập hợp được nông dân và công nhân Nga trong cuộc đấu tranh chống những tàn tích phong kiến và chống chủ nghĩa tư bản, và nếu cuộc đấu tranh của chúng tôi đã có thể hoàn thành được dễ dàng như thế, chính là vì nông dân và công nhân đã đoàn kết với nhau để chống tư bản và chế độ phong kiến. Ở đây, việc liên hệ với các dân tộc miền Đông là đặc biệt quan trọng, vì phần đông các dân tộc này đều là những đại biểu

điển hình cho một loại quần chúng lao động không phải là những công nhân đã được rèn luyện trong các công xưởng và xí nghiệp của bọn tư bản, mà là những đại biểu điển hình cho quần chúng nông dân lao động bị bóc lột và phải chịu ách áp bức trung cổ. Cách mạng Nga đã chứng tỏ rằng, sau khi thắng chủ nghĩa tư bản, những người vô sản đoàn kết với số quần chúng tản mạn gồm hàng triệu nông dân lao động, đã nổi dậy chống ách áp bức trung cổ đó và đã thắng ách đó. Ngày nay, nước Cộng hòa xô-viết chúng tôi phải tập hợp xung quanh mình tất cả các dân tộc miền Đông đang thức tỉnh, để cùng họ tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Ở đây, các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà xưa kia những người cộng sản trên toàn thế giới không có: trong khi dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện đặc biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi mà nhiệm vụ cần phải giải quyết không phải là đấu tranh chống tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn tích thời trung cổ. Đó là một nhiệm vụ khó khăn và đặc biệt, nhưng lại đặc biệt cao cả, vì số quần chúng từ trước vẫn chưa hề tham gia đấu tranh, nay được lôi cuốn vào cuộc đấu tranh, và mặt khác, nhờ việc tổ chức các chi bộ cộng sản ở miền Đông, các đồng chí có khả năng liên hệ rất chặt chẽ với Quốc tế III. Các đồng chí cần tìm ra những hình thức đặc thù cho sự liên minh đó của những người vô sản tiên tiến trên toàn thế giới với quần chúng lao động và bị bóc lột ở miền Đông là những người thường phải sống trong những điều kiện thời trung cổ. Trong nước chúng tôi, chúng tôi đã thực hiện, trên quy mô nhỏ, cái mà các đồng chí sẽ thực hiện với quy

mô to lớn trong những nước lớn. Nhiệm vụ thứ hai đó, tôi hy vọng các đồng chí sẽ hoàn thành thắng lợi. Nhờ có các tổ chức cộng sản ở miền Đông, mà các đồng chí đại biểu ở đây, các đồng chí sẽ liên hệ được với giai cấp vô sản cách mạng tiên tiến. Nhiệm vụ đề ra trước mắt các đồng chí là tiếp tục quan tâm làm sao cho việc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản được tiến hành trong mỗi nước, và tuyên truyền sao cho nhân dân có thể hiểu được.

Cố nhiên, chỉ có giai cấp vô sản ở tất cả các nước tiên tiến trên thế giới mới có thể giành được thắng lợi cuối cùng; và chúng tôi, những người Nga, chúng tôi đang bắt đầu một sự nghiệp mà giai cấp vô sản Anh, Pháp hay Đức sẽ hoàn thành nốt; nhưng chúng tôi thấy rằng, nếu không có sự giúp đỡ của quần chúng lao động của tất cả các dân tộc thuộc địa bị áp bức, trước tiên là của các dân tộc phương Đông, họ sẽ không thể nào thắng lợi được. Chúng ta nên hiểu rằng chỉ riêng một mình đội tiên phong thôi thì không thể nào thực hiện được việc chuyển lên chủ nghĩa cộng sản. Cần phải thức tỉnh tính tích cực cách mạng của quần chúng lao động, dù trình độ của họ như thế nào, để làm cho họ hoạt động độc lập và tổ chức nhau lại; phải đem học thuyết cộng sản chân chính chỉ đạo những người cộng sản ở các nước tiên tiến hơn, dịch ra tiếng nói của mỗi dân tộc; phải hoàn thành những nhiệm vụ thực tế cần hoàn thành tức khắc, và phải liên hợp với vô sản ở các nước khác để cùng nhau đấu tranh.

Đó là những nhiệm vụ mà các đồng chí sẽ tìm thấy cách giải quyết không phải trong một cuốn sách cộng sản nào đó, mà trong cuộc đấu tranh chung do nước Nga đã bắt đầu. Các đồng chí phải đề ra nhiệm vụ đó và phải giải quyết, dựa vào kinh nghiệm của bản thân mình. Muốn làm được việc đó, một mặt, các đồng chí

phải liên minh chặt chẽ với đội tiền phong của tất cả những người lao động ở các nước khác, và mặt khác, phải biết cách đối xử đúng đắn với các dân tộc miền Đông mà các đồng chí là những người đại biểu ở đây. Các đồng chí phải dựa vào chủ nghĩa dân tộc tư sản đang nảy nở — và không thể không nảy nở — trong các dân tộc đó, chủ nghĩa đó có căn cứ lịch sử. Đồng thời các đồng chí nên mở đường đi vào quần chúng lao động và bị bóc lột của mỗi nước, và nói làm sao cho họ hiểu được rằng mối hy vọng duy nhất của họ muốn được giải phóng, là thắng lợi của cách mạng thế giới; rằng giai cấp vô sản quốc tế là người bạn đồng minh duy nhất của hàng trăm triệu người lao động và bị bóc lột thuộc các dân tộc phương Đông.

Đó là nhiệm vụ to lớn phi thường đề ra trước mắt các đồng chí, nhờ có thời đại cách mạng, nhờ có sự phát triển của phong trào cach mạng, — điều này không thể nghi ngờ gì được nữa, — những cố gắng chung của các tổ chức cộng sản ở phương Đông sẽ giải quyết thành công, nhiệm vụ đó và sẽ dẫn đến kết quả là hoàn toàn chiến thắng chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản *Sự thật*, Hà - nội, 1968, t. 30, tr. 187-193.

SƠ THẢO ĐỀ CƯƠNG VỀ CÁC VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ THUỘC ĐỊA

(Viết cho đại hội lần thứ II của Quốc tế cộng sản)

Tôi xin trình bày để các đồng chí nhận xét bản dự thảo những luận cương dưới đây bàn về các vấn đề thuộc địa và dân tộc để chuẩn bị cho đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ hai, tôi yêu cầu tất cả các đồng chí, đặc biệt là những đồng chí thấu suốt vấn đề này hoặc vấn đề kia trong số các vấn đề phức tạp đó, hãy nêu ra nhận xét của mình, hoặc sửa chữa, hoặc bổ sung, hoặc, hơn nữa, dùng hình thức rất đơn giản, ngắn, gọn (không quá hai hay ba trang, để giải thích cụ thể, nhất là về những điểm sau đây:

Kinh nghiệm nước Áo
Kinh nghiệm Ba-lan — Do-thái và U-cơ-ren
An-dát-xơ Lo-ren và Bỉ
Ai-rơ-lan
Quan hệ Đan-mạch — Đức
Quan hệ Ý — Pháp và Ý — Sla-vơ
Kinh nghiệm ở Ban-căng
Các dân tộc phương Đông
Đấu tranh chống chủ nghĩa Đại Hồi
Quan hệ ở Cô-ca-dơ
Các nước Cộng hòa Ba-sơ-kia và Ta-ta-rơ

Nước Kia-gi-dơ-stan
Nước Tuya-rơ-két-stan và kinh nghiệm của nước ấy.
Người da đen ở châu Mỹ
Các thuộc địa
Trung-quốc — Triều-tiên — Nhật-bản.

N. Lê-nin

5 tháng Sáu 1920

1. Do chính ngay bản chất của chúng, nên lối đặt vấn đề một cách trừu tượng và hình thức về quyền bình đẳng nói chung, trong đó bao gồm cả quyền dân tộc bình đẳng, là cái lối riêng chỉ bọn dân chủ tư sản mới có. Nấp dưới quyền bình đẳng của những cá nhân nói chung, bọn dân chủ tư sản tuyên bố quyền bình đẳng hình thức hoặc quyền bình đẳng về pháp lý giữa người chủ và người vô sản, giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, như vậy là để làm cho những giai cấp bị áp bức mắc phải sai lầm sâu sắc nhất. Quan niệm bình đẳng, bản thân nó chỉ là sự phản ánh của những quan hệ sản xuất hàng hóa, giai cấp tư sản vin vào cái gọi là quyền bình đẳng tuyệt đối của con người để biến quan niệm đó thành vũ khí đấu tranh chống lại việc thủ tiêu giai cấp. Ý nghĩa thật sự của việc đòi quyền bình đẳng chung quy chỉ là đòi thủ tiêu giai cấp.

2. Theo đúng mục đích cơ bản của mình — là đấu tranh chống chế độ dân chủ tư sản và lột mặt nạ lừa dối, giả nhân giả nghĩa của nó, — Đảng cộng sản, đại biểu tự giác của giai cấp vô sản đang đấu tranh để lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, ngay cả trong vấn đề dân tộc, cũng không được đặt lên hàng đầu những nguyên tắc trừu tượng và hình thức, mà phải : 1) đánh giá cho đúng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, và trước hết, là hoàn cảnh kinh tế ; 2) tách được thật rõ rệt quyền

lợi của giai cấp bị áp bức, của người lao động, của người bị bóc lột, ra khỏi cái quan niệm chung về quyền lợi của toàn thể dân tộc, hay nói một cách khác, về quyền lợi của giai cấp thống trị ; 3) cũng phân biệt thật rõ rệt những dân tộc bị áp bức, bị phụ thuộc, bị cướp mất quyền bình đẳng, với những dân tộc đi áp bức, bóc lột, làm chúa tể, trái hẳn lại với sự lừa dối của giai cấp tư sản đang che giấu việc tuyệt đại đa số nhân dân trên hoàn cầu bị một số nước tư bản tiên tiến, giàu có, nô dịch về mặt thực dân và tài chính, — sự nô dịch này là đặc tính của thời đại tư bản tài chính và của chủ nghĩa đế quốc.

3. Chiến tranh đế quốc năm 1914-1918 đã làm cho tất cả các dân tộc và các giai cấp bị áp bức trên toàn thế giới thấy được một cách hết sức sáng rõ tính chất giả nhân giả nghĩa trong những lời nói của bọn dân chủ tư sản, bằng cách vạch ra trong thực tiễn rằng đối với các dân tộc nhỏ yếu, thì hòa ước Véc-xây do các « nước dân chủ phương Tây » nổi tiếng đã cưỡng bách người ta phải ký, là một hành vi bạo ngược còn tàn ác và hèn nhát hơn là hòa ước Bơ-rét — Li-tốp mà bọn địa chủ quý tộc Đức và hoàng đế Đức đã bắt ta phải ký. Hội Quốc liên và toàn bộ chính sách sau chiến tranh của Đồng minh còn biểu lộ sự thật ấy rõ ràng và mạnh mẽ hơn nữa, làm tăng cường khắp mọi nơi cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản các nước tiên tiến cũng như của quần chúng cần lao các nước thuộc địa và bị phụ thuộc, điều đó càng chóng làm tan vỡ những ảo tưởng dân tộc tiểu tư sản cho rằng với chế độ tư bản, các dân tộc có thể chung sống hòa bình và bình đẳng với nhau được.

4. Do những luận điểm cơ bản trình bày ở trên, ta thấy rằng nền tảng của chính sách của Quốc tế cộng

sản trong các vấn đề dân tộc và thuộc địa phải là làm cho những người vô sản và quần chúng cần lao của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng chung để lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì sự gần gũi ấy là sự bảo đảm duy nhất cho chúng ta chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có sự đảm bảo đó, thì không thể thủ tiêu sự áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng được.

5. Tình hình chính trị thế giới hiện nay đã đặt vấn đề chuyên chính vô sản thành vấn đề trước mắt; và tất cả những biến cố trong chính trị thế giới đều không thể không quy vào chính ngay điểm trung tâm này: giai cấp tư sản ở tất cả các nước đấu tranh chống nước Cộng hòa xô-viết Nga, nước này nhất định tập hợp được, chung quanh mình, một mặt, là các phong trào công nhân tiên tiến ở tất cả các nước ủng hộ Nhà nước xô viết; và mặt khác, là tất cả các phong trào giải phóng dân tộc trong các thuộc địa và trong các dân tộc bị áp bức mà kinh nghiệm đau đớn đã làm cho họ tin chắc rằng: không có con đường cứu vãn nào ngoài con đường chính quyền xô-viết chiến thắng chủ nghĩa đế quốc thế giới.

6. Do đó, hiện giờ người ta không thể chỉ thừa nhận hoặc chỉ tuyên bố đơn giản rằng những người lao động thuộc các dân tộc phải gần gũi nhau. Cần phải có một chính sách đảm bảo sự đoàn kết chặt chẽ nhất của tất cả các phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga xô-viết, bằng cách đem lại cho sự đoàn kết ấy những hình thức phù hợp với trình độ phát triển của phong trào cộng sản trong nội bộ giai cấp vô sản ở mỗi nước, hay của phong trào giải phóng dân chủ tư sản của công nhân và nông dân ở các dân tộc hay ở các nước chậm tiến.

7. Liên bang là hình thức quá độ tiến tới thống nhất hoàn toàn những người lao động ở các dân tộc khác nhau. Nguyên tắc liên bang, trong thực tiễn, đã tỏ ra phù hợp với mục đích vẫn theo đuổi cả trong mối liên hệ giữa Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga với các cộng hòa xô-viết khác (Hung-ga-ri, Phần-lan, Lét-tô-ni trước kia; A-de-rơ-bai-gian và U-cơ-ren hiện nay) cũng như ngay trong nội bộ Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, đối với các dân tộc trước kia không hề có Nhà nước hoặc quyền tồn tại tự trị. (Ví dụ như các Cộng hòa tự trị Ba-sơ-kia và Ta-ta-rơ thành lập năm 1919 và 1920, là những bộ phận của Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga).

8. Nhiệm vụ của Quốc tế cộng sản, ở đây, là phát triển hơn nữa, là nghiên cứu và dùng kinh nghiệm để kiểm lại các liên bang mới ấy, thành lập trên cơ sở chế độ và phong trào xô-viết. Vì đã xem liên bang là một hình thức quá độ tiến tới thống nhất toàn bộ, nên chúng ta cần phải hướng tới một sự đoàn kết liên bang ngày càng chặt chẽ hơn nữa, và luôn luôn chú ý thứ nhất là nếu không có sự đoàn kết chặt chẽ nhất giữa các Cộng hòa xô-viết thì không thể bảo toàn được sự tồn tại của các Cộng hòa ấy trong hoàn cảnh còn có sự bao vây của các nước đế quốc vô cùng mạnh hơn về lực lượng quân sự; thứ hai là chú ý đến sự cần thiết phải có một sự liên minh chặt chẽ về kinh tế giữa các Cộng hòa xô-viết, nếu không thì không thể khôi phục được những lực lượng sản xuất đã bị chủ nghĩa đế quốc phá hủy và không thể đảm bảo được hạnh phúc của người lao động; thứ ba là, phải chú ý đến xu hướng tạo nên một nền kinh tế thế giới duy nhất, do giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc quản lý theo một kế hoạch toàn bộ; xu hướng ấy đã biểu lộ một cách hoàn toàn hiển nhiên ngay cả

dưới chế độ tư bản, và tất nhiên sẽ được phát triển và thắng lợi hoàn toàn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

9. Trong phạm vi những quan hệ nội bộ của mỗi quốc gia, chính sách dân tộc của Quốc tế cộng sản về quyền bình đẳng của các dân tộc không thể chỉ giới hạn trong việc đơn giản thừa nhận một cách hình thức, thuần bằng những lời tuyên bố suông và không có kết quả thực tiễn như bọn dân chủ tư sản vẫn thường làm và cho như thế là đủ — bọn này dù công khai tự thú là dân chủ tư sản, hay đội lốt xã hội chủ nghĩa như bọn xã hội chủ nghĩa trong Quốc tế II thì cũng thế thôi.

Trong công tác tuyên truyền và cổ động của các đảng cộng sản — ở diễn đàn nghị viện cũng như ở ngoài — không những cần phải luôn luôn không ngớt tố cáo những vi phạm thường xuyên đối với nguyên tắc bình đẳng của các dân tộc và đối với những sự đảm bảo quyền lợi của các dân tộc thiểu số trong tất cả các quốc gia tư bản, mặc dầu các nước đó có những hiến pháp « dân chủ » ; mà còn phải : 1) luôn luôn giải thích rõ chế độ xô-viết là chế độ duy nhất có thể thật sự thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bằng cách đoàn kết trước hết là những người vô sản rồi đến toàn thể quần chúng lao động, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản ; 2) tất cả các đảng cộng sản phải trực tiếp ủng hộ các phong trào cách mạng của những dân tộc bị phụ thuộc, hoặc không được hưởng đầy đủ quyền bình đẳng (chẳng hạn như ủng hộ Ai-rơ-lan, ủng hộ những người da đen châu Mỹ, v.v.) và các thuộc địa.

Nếu không có điều kiện đặc biệt quan trọng là sự ủng hộ trực tiếp của tất cả các đảng cộng sản, thì cuộc đấu tranh của những dân tộc bị phụ thuộc và của các thuộc địa chống áp bức cũng như việc thừa nhận họ có quyền được thoát ly và lập thành quốc gia, chỉ là một chiêu bài dối trá, như vẫn thường thấy trong các đảng của Quốc tế II.

10. Thừa nhận chủ nghĩa quốc tế trên lời nói, nhưng trong thực tiễn, trong công tác tuyên truyền, cổ động và hoạt động thực tiễn, thì lại lấy chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa hòa bình tiểu tư sản thay cho chủ nghĩa quốc tế, đó là việc làm thường xuyên không những của các đảng Quốc tế II, mà cũng là của những người đã ra khỏi các đảng Quốc tế II đó và cũng là của cả những người hiện nay tự xưng là cộng sản nữa. Cuộc đấu tranh chống cái tệ hại này, chống những thành kiến dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản thâm căn cố đế nhất càng có ý nghĩa trọng đại nhất vì hiện nay vấn đề càng trở thành bức thiết là vấn đề chuyển biến của nền chuyên chính vô sản từ chuyên chính vô sản trong phạm vi quốc gia (tức là chuyên chính mới tồn tại ở trong một nước duy nhất và không có khả năng quyết định được chính trị toàn thế giới) thành chuyên chính vô sản trên quy mô quốc tế (tức là chuyên chính vô sản ít nhất cũng ở nhiều nước tiên tiến và có khả năng tác động quyết định đến toàn bộ chính trị thế giới). Chủ nghĩa dân tộc tiểu tư sản thì bó hẹp chủ nghĩa quốc tế vào chỗ chỉ thừa nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc mà thôi (và đây là chưa nói sự thừa nhận ấy chỉ có tính chất thuần túy nói suông), nó để y nguyên không đả động gì đến tinh thần vị kỷ dân tộc, còn chủ nghĩa quốc tế thì đòi: 1) lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản trong một nước phải phục tùng lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản trong phạm vi quốc tế; 2) các dân tộc đã thắng giai cấp tư sản, phải có khả năng và tự nguyện chịu đựng những hy sinh rất lớn của dân tộc mình để lật đổ tư bản quốc tế.

Như thế là, trong các quốc gia mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến cao độ, mà đã có các đảng công nhân hợp thành những đội tiên phong thật sự của giai cấp vô sản, thì nhiệm vụ trước tiên, nhiệm vụ quan trọng

nhất trong các nhiệm vụ là phải đấu tranh chống những sự xuyên tạc của bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn hòa bình chủ nghĩa tiểu tư sản, đối với quan niệm và chính sách của chủ nghĩa quốc tế.

11. Đối với các quốc gia và các dân tộc chậm tiến hơn mà những quan hệ có tính chất phong kiến hay gia trưởng và gia trưởng nông dân đang chiếm ưu thế thì cần nhất là không được quên rằng:

1) Nhất thiết phải có sự giúp đỡ của tất cả các đảng cộng sản đối với phong trào giải phóng dân chủ tư sản của những nước ấy; trường hợp một nước đang duy trì một dân tộc chậm tiến trong tình trạng phụ thuộc về tài chính hoặc về mặt thuộc địa, thì nhiệm vụ phải hết sức tích cực ủng hộ phong trào giải phóng ấy, trước hết, là do công nhân của nước đi áp bức đó đảm nhiệm.

2) Nhất thiết phải đấu tranh chống bọn tăng lữ giáo đồ cùng những phần tử phản động và trung cổ khác đang còn có ảnh hưởng trong các nước chậm tiến.

3) Nhất thiết phải đấu tranh chống chủ nghĩa Đại Hồi và những xu hướng tương tự muốn liên hợp phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc châu Âu và châu Mỹ với việc củng cố địa vị của bọn Kha-hãn*, bọn địa chủ, bọn môn-la,** v.v.

4) Nhất thiết phải đặc biệt ủng hộ phong trào nông dân ở các nước chậm tiến, chống bọn địa chủ, chống chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất, chống mọi biểu hiện và tàn dư của chế độ phong kiến; phải ra sức làm cho phong trào nông dân có tính chất cách mạng

---

* Thủ lĩnh của người Tác-ta và người Ba-tư. *(N.D.)*

** Mollah: bọn thầy tu Hồi giáo. *(N.D.)*

nhất, bằng cách thực hiện sự liên minh chặt chẽ nhất giữa giai cấp vô sản cộng sản Tây Âu với phong trào cách mạng nông dân ở các nước phương Đông, ở các thuộc địa và nói chung, ở các nước chậm tiến ; đặc biệt là phải hướng tất cả mọi sự nỗ lực vào việc áp dụng những nguyên tắc cơ bản của chế độ xô-viết trong các nước mà những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa đang thống trị, bằng cách lập nên các « xô-viết của những người lao động », v.v.

5) Nhất thiết phải đấu tranh kiên quyết chống xu hướng trá hình dưới màu sắc cộng sản của những phong trào giải phóng dân chủ tư sản ở các nước chậm tiến ; Quốc tế cộng sản chỉ nên ủng hộ những phong trào dân tộc dân chủ tư sản ở các thuộc địa và các nước chậm tiến với điều kiện là những phần tử của các đảng vô sản, cộng sản tương lai ở tất cả các nước chậm tiến, phải thực sự, chứ không chỉ trên danh nghĩa, được tập hợp và được giáo dục theo tinh thần của một sứ mệnh đặc biệt của mình là : đấu tranh chống những phong trào dân chủ tư sản ở trong lòng dân tộc của họ. Quốc tế cộng sản nên lập khối liên minh tạm thời với phái dân chủ tư sản ở các thuộc địa và các nước chậm tiến, nhưng không bao giờ được hòa lẫn với phái đó và phải bảo vệ không điều kiện tính độc lập của phong trào vô sản, dù cho phong trào này còn ở dưới hình thức phôi thai nhất.

6. Nhất thiết phải giải thích và không ngớt tố cáo trước đông đảo quần chúng cần lao ở tất cả các nước, nhất là ở các nước chậm tiến, sự lừa bịp một cách có hệ thống của các thế lực đế quốc chủ nghĩa đang mượn cớ xây dựng những quốc gia độc lập về phương diện

chính trị, để tạo nên những quốc gia hoàn toàn phụ thuộc vào chúng về phương diện kinh tế tài chính và quân sự. Trong tình hình quốc tế hiện nay, đối với các dân tộc nhỏ yếu và bị phụ thuộc, quyết không có một con đường cứu vãn nào khác ngoài con đường liên minh các cộng hòa xô-viết.

12. Việc các dân tộc nhỏ yếu và thuộc địa bị các nước đế quốc lớn mạnh áp bức lâu đời đã gây trong quần chúng cần lao các nước bị áp bức lòng căm thù, nhưng cũng gây cả sự ngờ vực đối với các dân tộc đi áp bức nói chung, bao gồm cả giai cấp vô sản nữa. Việc phản bội chủ nghĩa xã hội một cách hèn mạt của số đông thủ lĩnh chính thức của giai cấp vô sản đó, trong những năm 1914—1919, khi mà những tên xã hội sô-vanh đã dùng những tiếng « bảo vệ Tổ quốc » để che đậy việc chúng bảo vệ « quyền » của giai cấp tư sản của « nước chúng » đi áp bức các thuộc địa và bòn rút của các nước bị phụ thuộc về phương diện tài chính, việc phản bội đó chỉ có thể làm tăng thêm sự nghi ngờ hoàn toàn chính đáng ấy. Mặt khác, một nước càng lạc hậu thì nền sản xuất tiểu nông, tính chất gia trưởng và cổ hủ ở đó lại càng mạnh mẽ, không thể không làm cho những thành kiến tiểu tư sản thâm căn cố đế nhất như tinh thần vị kỷ dân tộc và hẹp hòi dân tộc có một sức mạnh kiên cố rất lớn. Những thành kiến ấy chỉ có thể tiêu tan sau khi chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản trong các nước tiên tiến đã bị tiêu diệt và sau khi tất cả những nền móng của đời sống kinh tế ở các nước chậm tiến đã biến đổi về căn bản, cho nên những thành kiến ấy chỉ có thể tiêu tan rất chậm. Do đó, giai cấp vô sản cộng sản và tự giác có nhiệm vụ phải tỏ ra đặc biệt thận trọng và đặc biệt chú ý đối với những tàn dư của

tình cảm dân tộc của các nước và các dân tộc bị áp bức lâu đời, và cũng có nhiệm vụ phải nhượng bộ phần nào để nhằm thủ tiêu gấp sự ngờ vực và những thành kiến ấy. Không có sự cố gắng tự nguyện của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới để tiến tới liên minh và thống nhất, thì không thể thắng hẳn chủ nghĩa tư bản được.

Lê-nin : Tuyển tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, Quyển II, ph.II, tr. 426 — 433.

BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN DÂN TỘC VÀ THUỘC ĐỊA NGÀY 26 THÁNG BẢY

Các đồng chí, tôi chỉ nói ít để vào đề thôi, rồi đồng chí Ma-rinh, thư ký của tiểu ban chúng tôi sẽ trình bày với các đồng chí một bản báo cáo tỉ mỉ về những điều chúng tôi đã thay đổi trong các luận điểm. Sau đó, đồng chí Roa, người đã nêu ra những luận điểm bổ sung, sẽ phát biểu. Tiểu ban chúng tôi đã nhất trí thông qua tất cả luận điểm đầu tiên với những chỗ sửa đổi và những luận điểm bổ sung. Như thế, chúng tôi đã đi tới chỗ hoàn toàn nhất trí về tất cả các vấn đề quan trọng. Bây giờ tôi xin nêu một số nhận xét ngắn.

Trước hết, tư tưởng quan trọng nhất, cơ bản nhất của những luận điểm của chúng ta là gì? Là sự phân biệt giữa những dân tộc bị bóc lột và dân tộc bóc lột. Ngược lại với Quốc tế II và bọn dân chủ tư sản, chúng ta làm nổi bật sự phân biệt đó lên. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thì đối với giai cấp vô sản và quốc tế cộng sản, điểm đặc biệt quan trọng là nhận ra những hiện tượng kinh tế cụ thể, và trong khi giải quyết những vấn đề thuộc địa và dân tộc, phải xuất phát không phải từ những khái niệm trừu tượng mà từ những hiện tượng thực tế cụ thể.

Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc là ở chỗ hiện nay, như chúng ta đã thấy, toàn thế giới phân chia thành một số lớn những dân tộc bị áp bức và một số rất ít

những dân tộc đi áp bức, nắm trong tay những tài sản khổng lồ và lực lượng quân sự hùng mạnh. Toàn bộ dân số trên thế giới có chừng một tỷ ba phần tư người thì tuyệt đại đa số, tức là trên một tỷ người, và chắc chắn là một tỷ 250 triệu sinh mạng, tức là gần 70% dân số thế giới, là nhân dân các dân tộc bị áp bức, hoặc là chịu chế độ lệ thuộc thuộc địa trực tiếp, hoặc là nửa thuộc địa, như Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ, Trung-quốc, hoặc nữa là bị quân đội các cường quốc đế quốc lớn đánh bại nên bị những hòa ước đặt vào tình trạng phụ thuộc. Ý nghĩ về sự phân biệt đó, về sự phân chia các dân tộc thành dân tộc đi áp bức và dân tộc bị áp bức đều thấy có trong tất cả các luận điểm, cả trong những luận điểm đầu tiên in ra với chữ ký của tôi, và cả trong những luận điểm của đồng chí Roa. Những luận điểm của đồng chí Roa thì chủ yếu là xuất phát từ tình hình Ấn-độ và các dân tộc lớn ở châu Á bị Anh áp bức, và chính điều đó khiến cho các luận điểm đó có ý nghĩa lớn đối với chúng ta.

Tư tưởng chủ đạo thứ hai của các luận điểm của chúng ta là ở chỗ trong hoàn cảnh thế giới hiện nay, sau chiến tranh đế quốc, mối quan hệ lẫn nhau giữa các dân tộc và toàn bộ hệ thống chính trị trên thế giới đều được quyết định bởi cuộc đấu tranh của một số nhỏ các dân tộc đế quốc chống phong trào xô-viết và những Nhà nước xô-viết, mà đứng đầu là nước Nga Xô-viết. Nếu chúng ta bỏ qua điều đó, chúng ta không thể nêu ra được một vấn đề dân tộc hay thuộc địa nào đúng đắn cả, dù là nói đến một nơi xa xăm nhất của thế giới. Chỉ có xuất phát từ quan điểm đó, thì các vấn đề chính trị mới được đặt ra và giải quyết đúng đắn bởi các đảng cộng sản ở những nước văn minh cũng như ở các nước lạc hậu.

Thứ ba là tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề phong trào dân chủ tư sản ở các nước lạc hậu. Chính vấn đề này đã gây ra một số ý kiến khác nhau. Chúng ta đã thảo luận xem về nguyên tắc và về lý luận, thì tuyên bố rằng Quốc tế cộng sản và các đảng ủng hộ phong trào dân chủ tư sản ở các nước lạc hậu, là đúng hay không đúng; kết quả của cuộc thảo luận đó khiến chúng ta đi đến nhất trí là quyết nghị thay thế chữ phong trào dân chủ tư sản bằng phong trào dân tộc cách mạng. Không còn nghi ngờ gì nữa, mọi phong trào dân tộc chỉ có thể là dân chủ tư sản thôi, vì quảng đại quần chúng nhân dân ở các nước lạc hậu là nông dân tức là những đại biểu cho những quan hệ tư sản và tư bản. Nếu tưởng rằng những đảng vô sản, — cứ cho rằng nói chung những đảng đó có thể xuất hiện ở trong những nước đó — không có những quan hệ nhất định với phong trào nông dân, không ủng hộ phong trào này trên thực tế, mà lại có thể thi hành sách lược và chính sách cộng sản trong những nước lạc hậu đó, thì như thế là không tưởng. Nhưng đã có những ý kiến phản đối lại rằng: nếu chúng ta lại nói phong trào dân chủ tư sản thì như thế là xóa sạch mọi sự phân biệt giữa phong trào cải lương và phong trào cách mạng. Thế nhưng, gần đây, sự khác nhau giữa hai phong trào đó đã biểu hiện hoàn toàn rõ rệt trong các nước lạc hậu và thuộc địa, vì bọn tư sản đế quốc chủ nghĩa tìm mọi cách gieo rắc phong trào cải lương vào các dân tộc bị áp bức. Đã có một sự gần gũi nào đó giữa giai cấp tư sản các nước bóc lột và giai cấp tư sản các thuộc địa, thành thử thường thường — có lẽ trong đại đa số các trường hợp — giai cấp tư sản ở các nước bị áp bức vừa ủng hộ phong trào dân tộc, lại vừa đồng tình với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, tức là cùng với giai cấp này đấu tranh chống lại những phong trào cách mạng và

các giai cấp cách mạng. Điều đó đã được chứng minh một cách không thể chối cãi được trong tiểu ban và chúng tôi cho rằng thái độ duy nhất đúng đắn là phải chú trọng đến sự phân biệt đó và hầu khắp mọi chỗ phải thay thế danh từ « dân chủ tư sản » bằng « dân tộc cách mạng ». Ý nghĩa việc thay thế đó là ở chỗ chúng ta, những người cộng sản, chúng ta phải ủng hộ và chỉ ủng hộ những phong trào giải phóng có tính chất tư sản trong những nước thuộc địa, khi những phong trào đó thực sự là cách mạng, khi đại biểu của những phong trào đó không ngăn trở chúng ta giáo dục và tổ chức, theo tinh thần cách mạng, nông dân và quảng đại quần chúng bị áp bức. Nếu không có được những điều kiện như thế, thì những người cộng sản ở trong các nước đó phải đấu tranh chống giai cấp tư sản cải lương, trong đó có cả những tay hảo hớn của Quốc tế II. Những đảng cải lương đã có ở những nước thuộc địa và đôi khi đại biểu của những đảng đó tự xưng là xã hội — dân chủ hay xã hội chủ nghĩa. Sự phân biệt nói trên bây giờ được nêu trong tất cả các luận điểm và tôi nghĩ rằng nhờ đó mà quan điểm của chúng ta ngày nay được diễn đạt ra một cách chính xác hơn nhiều.

Sau nữa, tôi muốn nêu thêm một nhận xét về các xô-viết nông dân. Công tác thực tiễn của những người cộng sản Nga trong các thuộc địa trước đây của Nga hoàng, trong những nước lạc hậu, như Tuốc-ke-stan, v.v., đặt ra trước chúng tôi vấn đề sau đây: phải áp dụng như thế nào sách lược và đường lối chính trị cộng sản trong những điều kiện tiền tư bản chủ nghĩa, vì đặc điểm chủ yếu của những nước đó là ở chỗ những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa hãy còn thống trị ở đấy, và vì thế ở đấy không thể nói đến phong trào thuần túy vô sản được. Trong những nước đó hầu như không có vô sản

công nghiệp. Mặc dù thế, cả ở những nước đó nữa, chúng ta đã đảm nhiệm và phải đảm nhiệm vai trò lãnh đạo. Công tác của chúng ta chứng tỏ rằng ở trong những nước đó chúng ta phải vượt qua những khó khăn to lớn, nhưng kết quả thực tế cũng chứng tỏ rằng dù có những khó khăn đó, cũng vẫn có thể làm thức tỉnh trong quần chúng, lòng mong muốn suy nghĩ độc lập về chính trị và hoạt động độc lập về chính trị, ngay cả ở những nơi hầu như không có vô sản. Đối với chúng tôi, công tác đó khó hơn đối với các đồng chí ở các nước Tây Âu, vì vô sản ở Nga bị gánh nặng công tác Nhà nước đè lên đầu. Rất dễ hiểu được rằng nông dân ở trong tình trạng phụ thuộc nửa phong kiến, có thể hoàn toàn tiếp thụ được ý kiến về tổ chức xô-viết và đem thực hiện ý kiến đó trong đời sống. Cũng rõ ràng là ngay cả trong hoàn cảnh của họ nữa, quần chúng, không những bị bọn tư bản thương mại mà bị cả bọn phong kiến và Nhà nước xây dựng trên những cơ sở phong kiến áp bức và bóc lột, đều vẫn có thể dùng vũ khí đó, hình thức tổ chức đó. Ý kiến về tổ chức xô-viết rất đơn giản và có thể áp dụng được không những trong khuôn khổ những quan hệ vô sản mà cả trong khuôn khổ những quan hệ nông dân, có tính chất phong kiến và nửa phong kiến. Kinh nghiệm của chúng tôi về mặt này hãy còn ít, nhưng ở tiểu ban, những cuộc tranh luận, trong đó có một số đại biểu các nước thuộc địa tham gia, chứng minh một cách không chối cãi được rằng trong các luận điểm của Quốc tế Cộng sản cần phải chỉ rõ rằng các Xô-viết nông dân, xô-viết những người bị bóc lột, là những công cụ thích hợp không những đối với các nước tư bản, mà cả đối với những nước có quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa, rằng nhiệm vụ tuyệt đối của các đảng cộng sản và các phần tử sẵn sàng thành lập đảng cộng sản là, bất cứ ở

đâu, trong các nước lạc hậu, các thuộc địa, cũng phải luôn luôn tuyên truyền cho Xô-viết nông dân, Xô-viết lao động và ở những nơi mà điều kiện cho phép, họ phải tìm cách thành lập ngay các Xô-viết nhân dân lao động.

Ở đây, chúng ta thấy mở ra cho chúng ta một phạm vi hoạt động thực tế rất bổ ích và quan trọng. Cho đến nay, kinh nghiệm chung của chúng ta về mặt này còn chưa lớn lắm, nhưng dần dần chúng ta sẽ thu thập được ngày càng nhiều tài liệu. Không thể chối cãi được rằng giai cấp vô sản của những nước tiên tiến có thể và phải giúp đỡ quần chúng lao động ở những nước lạc hậu, và khi vô sản chiến thắng của các nước cộng hòa xô-viết bắt tay với những quần chúng đó và ủng hộ họ thì các nước lạc hậu đó có thể ra khỏi giai đoạn phát triển hiện nay của họ.

Về vấn đề này, trong tiểu ban đã có những cuộc tranh luận khá sôi nổi không phải chỉ về những luận điểm do tôi ký tên, mà về những luận điểm của đồng chí Roa nhiều hơn, những luận điểm mà đồng chí Roa sẽ bênh vực ở đây, những luận điểm mà những điểm bổ sung đã được nhất trí thông qua.

Vấn đề đặt ra như thế này: chúng ta có thể cho rằng đối với các dân tộc lạc hậu hiện này đang trên con đường giải phóng và sau chiến tranh đã có một bước tiến bộ, thì lời khẳng định rằng nền kinh tế quốc dân của những dân tộc đó nhất định phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là đúng hay không đúng? Chúng tôi cho rằng không đúng. Nếu giai cấp vô sản cách mạng chiến thắng tiến hành tuyên truyền một cách có hệ thống trong các dân tộc đó và Chính phủ xô-viết giúp đỡ họ bằng mọi cách, mà cho rằng giai đoạn phát triển tư bản là không thể tránh được đối với các dân

tộc lạc hậu, thì không đúng. Trong tất cả các nước thuộc địa và các nước lạc hậu, không những chúng ta phải đào tạo những cán bộ độc lập, xây dựng nên những tổ chức Đảng, không những phải tiến hành tuyên truyền ngay từ giờ cho việc tổ chức các xô-viết nông dân và cố gắng làm cho các xô-viết đó phù hợp với những hoàn cảnh tiền tư bản chủ nghĩa, mà Quốc tế cộng sản còn phải xác định và chứng minh trên lý luận cho nguyên tắc này là: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Để đạt được mục đích đó, không thể nêu lên trước được là cần thiết có những phương tiện gì. Kinh nghiệm thực tế sẽ chỉ rõ cho chúng ta điều đó. Nhưng rõ ràng là tất cả quần chúng lao động ở trong các dân tộc xa xôi nhất đều tán thành Xô-viết, và những tổ chức xô-viết đó phải được làm cho phù hợp với những điều kiện của chế độ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, và công tác của các đảng cộng sản phải được bắt đầu không chậm trễ, theo hướng đó, trên toàn thế giới.

Tôi còn muốn nêu lên ý nghĩa của công tác cách mạng của các đảng cộng sản không những ngay trong nước của chính các đảng đó, mà cả trong các thuộc địa, và nhất là trong quân đội mà các nước đi áp bức dùng để giữ nhân dân các thuộc địa dưới quyền thống trị của mình.

Đồng chí Quen-sơ thuộc đảng xã hội chủ nghĩa Anh đã nói về vấn đề đó trong tiểu ban của chúng tôi. Đồng chí đó đã nói rằng người công nhân bình thường ở Anh coi sự giúp đỡ các dân tộc bị nô dịch trong những cuộc khởi nghĩa của họ chống lại đế quốc Anh, là phản bội.

Rất đúng là chủ nghĩa hiếu chiến và chủ nghĩa sô-vanh của công nhân quý tộc Anh và Mỹ là một nguy cơ to lớn nhất đối với chủ nghĩa xã hội, là chỗ dựa mạnh nhất của Quốc tế II, và đây là vấn đề phản bội lớn lao nhất của các lãnh tụ và công nhân thuộc cái Quốc tế tư sản đó. Vấn đề thuộc địa cũng được Quốc tế II thảo luận. Bản tuyên ngôn Ba-lơ cũng lại nói hoàn toàn rõ về vấn đề này. Các đảng của Quốc tế II đã hứa hẹn hành động cách mạng, nhưng chúng ta không thấy Quốc tế II có những hoạt động thực sự cách mạng và giúp đỡ các dân tộc bị bóc lột và phụ thuộc trong những cuộc khởi nghĩa của họ chống lại những dân tộc đi áp bức, và tôi cho rằng đa số các đảng đã ra khỏi Quốc tế II và muốn gia nhập Quốc tế III cũng như vậy. Chúng ta phải lớn tiếng tuyên bố rõ như vậy và đó là điều không thể chối cãi được. Chúng ta sẽ xem người ta có định cải chính điều đó không.

Tất cả những lý do đó đều là cơ sở của những nghị quyết của chúng ta; chắc chắn rằng những nghị quyết đó dài quá, nhưng tôi tin rằng những nghị quyết đó sẽ có ích và giúp cho sự phát triển và việc tổ chức công tác cách mạng thực tế trong những vấn đề dân tộc và thuộc địa và đó chính là nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta.

V. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Pháp, Nhà xuất bản Xã hội, Pa-ri — Nhà xuất bản Ngoại văn, Mát-scơ-va, 1961, t. 31, tr. 247 — 253.

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ CÁC PHẦN TỬ TÍCH CỰC THUỘC ĐẢNG BỘ MẠC TƯ KHOA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (b) NGA

Ngày 6 tháng Chạp 1920
(Trích)

. . . . .

Tại Đại hội quốc tế III, tức quốc tế cộng sản, tôi đã nói rằng thế giới phân chia thành những nước bị áp bức và những nước đi áp bức. Các nước bị áp bức gồm ít ra là 70% dân số thế giới. Hòa ước lại thêm vào đó 100 hoặc 500 triệu người nữa.

Thực sự ngày nay, chúng ta không những là đại diện cho những người vô sản trong tất cả các nước, mà còn đại diện cho cả những dân tộc bị áp bức. Quốc tế cộng sản vừa xuất bản một tạp chí nhan đề : *Những dân tộc phương Đông*, trong đó quốc tế cộng sản đã đưa ra cho các dân tộc phương Đông khẩu hiệu : « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, liên hợp lại ! » Một đồng chí đã hỏi : « Vậy Ban chấp hành đã quyết định thay đổi khẩu hiệu từ lúc nào ? Đó là điều thực sự tôi không thể nhớ lại được. Đương nhiên, theo quan điểm trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, thì điều đó không đúng, nhưng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* đã được thảo ra trong những điều kiện hoàn toàn khác, và đứng trên quan điểm chính trị hiện nay, thì khẩu hiệu mới đó là đúng.

Lê-nin : Toàn tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969. tập 31. tr. 559.

J. STA-LIN

VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Về đề mục này, tôi sẽ chú trọng hai vấn đề chính:

a) cách đặt vấn đề;

b) phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức và cách mạng vô sản.

1. Cách đặt vấn đề. Suốt trong hai mươi năm gần đây, vấn đề dân tộc có nhiều thay đổi rất đáng kể. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ Quốc tế II và vấn đề dân tộc trong thời kỳ chủ nghĩa Lê-nin không phải là một. Nó khác nhau rất nhiều chẳng những về phạm vi mà cả về tính chất bên trong nữa.

Ngày trước, vấn đề dân tộc thường bị hạn chế trong một khuôn khổ chật hẹp gồm các vấn đề có liên quan chủ yếu đến các dân tộc «văn minh». Dân tộc Ai-rơ-lan, Hung, Ba-lan, Phần-lan, Xéc-bơ và vài dân tộc khác ở châu Âu, đấy là loại những dân tộc không được hưởng những quyền đầy đủ, số phận của họ đã được các nhân vật Quốc tế II quan tâm đến. Hàng chục và hàng trăm triệu người thuộc các dân tộc châu Á và châu Phi, chịu sự áp bức dân tộc dưới hình thức tàn nhẫn nhất và hung bạo nhất, thì thường lại không được để ý tới. Người ta đã không dám đặt người da trắng và người da đen, người « văn minh » và người « không văn minh » ngang hàng nhau. Vài ba nghị quyết vô vị và rỗng tuếch, cố ý tránh vấn đề giải phóng các thuộc địa, đấy là tất cả những điều mà những con người của Quốc tế II có

thể khoe khoang được. Ngày nay tính chất hai mặt và tính không triệt để ấy trong vấn đề dân tộc phải được coi là đã được thanh toán. Chủ nghĩa Lê-nin đã lột trần sự thiên lệch quá rõ rệt ấy, nó đã phá hủy bức tường ngăn cách những người da trắng và người da đen, người châu Âu và người châu Á, những người nô lệ «văn minh» và «không văn minh» của chủ nghĩa đế quốc, và như thế là nó đã gắn vấn đề dân tộc vào vấn đề thuộc địa. Cũng chính vì thế mà vấn đề dân tộc, từ một vấn đề đặc biệt, một vấn đề nội bộ trong nước, đã trở thành một vấn đề chung và quốc tế, vấn đề thế giới về sự giải phóng các dân tộc bị áp bức ở các xứ phụ thuộc và thuộc địa khỏi ách chủ nghĩa đế quốc.

Ngày trước, nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết thường được giải thích một cách sai lạc và thường bị thu hẹp lại thành quyền dân tộc tự trị. Một số lãnh tụ của Quốc tế II lại còn đi đến chỗ làm cho quyền tự quyết biến thành quyền tự trị về văn hóa, nghĩa là quyền của các dân tộc bị áp bức được có những cơ quan văn hóa của mình, còn toàn bộ chính quyền thì vẫn ở trong tay dân tộc thống trị. Vì thế khái niệm quyền tự quyết rất có thể từ chỗ là một vũ khí chống chính sách thôn tính mà trở thành một công cụ biện hộ cho chính sách thôn tính. Sự lẫn lộn ấy, hiện nay phải được coi như đã bị đập tan. Chủ nghĩa Lê-nin đã mở rộng quan niệm quyền tự quyết bằng cách giải thích nó là quyền của các dân tộc bị áp bức ở các xứ phụ thuộc và thuộc địa được tách ra hoàn toàn, là quyền các dân tộc được tồn tại với tư cách là những quốc gia độc lập. Chính vì thế mà đã gạt được khả năng biện bộ cho những cuộc xâm lược bằng cách giải thích quyền tự quyết là quyền tự trị. Còn về nguyên tắc tự quyết, thì từ chỗ là một công cụ lừa bịp quần chúng, một công cụ hiển nhiên nằm trong tay bọn xã hội sô-vanh trong thời kỳ chiến tranh

đế quốc chủ nghĩa, đã trở thành một công cụ dùng để lột trần những tham vọng đế quốc chủ nghĩa và những âm mưu sô-vanh đủ các loại, một công cụ giáo dục chính trị cho quần chúng theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế.

Ngày trước, vấn đề các dân tộc bị áp bức thường được coi là một vấn đề thuần túy pháp lý. Công bố trịnh trọng « quyền bình đẳng dân tộc », tuyên bố không biết bao nhiêu lần « quyền bình đẳng giữa các dân tộc », — các đảng của Quốc tế II lấy làm hài lòng về những việc làm đó, họ che lấp sự thật này là dưới chủ nghĩa đế quốc trong lúc mà một nhóm dân tộc này (thiểu số) sống bám vào một nhóm dân tộc khác bị bóc lột, mà nói đến « quyền bình đẳng giữa các dân tộc » là phỉ báng các dân tộc bị áp bức. Hiện nay, quan điểm pháp quyền tư sản ấy trong vấn đề dân tộc phải được coi như là đã bị bóc trần. Từ trên đỉnh cao vút những lời tuyên bố hoa mỹ, chủ nghĩa Lê-nin đã kéo vấn đề dân tộc xuống đất mà chỉ rõ ràng nếu các đảng vô sản không ủng hộ trực tiếp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức thì những lời tuyên bố về « quyền bình đẳng giữa các dân tộc » chỉ là những lời tuyên bố trống rỗng và giả dối. Vì vậy, vấn đề dân tộc bị áp bức đã trở thành vấn đề ủng hộ, vấn đề giúp đỡ thiết thực và thường xuyên các dân tộc bị áp bức, trong khi họ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc để giành quyền bình đẳng thiết thực giữa các dân tộc, để giành quyền tồn tại thành quốc gia độc lập.

Ngày trước, người ta dùng quan điểm cải lương chủ nghĩa mà xét vấn đề dân tộc, coi đó là một vấn đề riêng biệt, độc lập, mà không gắn nó vào vấn đề chung về chính quyền của Tư bản, về sự lật đổ chủ nghĩa đế quốc, về cách mạng vô sản. Người ta đã mặc nhiên giả định rằng giai cấp vô sản ở châu Âu có thể thu được

thắng lợi, mà không cần phải liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng trong các thuộc địa: rằng vấn đề dân tộc và thuộc địa có thể được giải quyết một cách âm thầm, « một cách tự phát », tách rời con đường lớn của cách mạng vô sản, không cần phải đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Hiện nay, quan điểm phản cách mạng ấy phải được coi là đã bị bóc trần. Chủ nghĩa Lê-nin đã chứng thực, và cả cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa lẫn cuộc cách mạng ở Nga đều đã xác nhận rằng vấn đề dân tộc chỉ có thể giải quyết được, nếu đem gắn nó với cách mạng vô sản và đặt nó trên cơ sở cách mạng vô sản; rằng ở phương Tây, con đường thắng lợi của cách mạng phải thông qua liên minh cách mạng với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc. Vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản, một bộ phận của vấn đề chuyên chính vô sản.

Vấn đề đặt ra như sau: những khả năng cách mạng của phong trào giải phóng cách mạng của các nước bị áp bức *đã hết hay chưa?* Và nếu chưa hết, thì liệu còn có hy vọng, có lý do dùng những khả năng ấy để làm cách mạng vô sản, còn có hy vọng, có lý do biến các nước phụ thuộc và thuộc địa, từ chỗ là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa thành lực lượng hậu bị của giai cấp vô sản cách mạng, để làm cho các nước ấy thành đồng minh của giai cấp vô sản cách mạng không?

Trả lời câu hỏi ấy, chủ nghĩa Lê-nin nói rằng có, nghĩa là thừa nhận có những khả năng cách mạng trong phong trào giải phóng dân tộc của các nước bị áp bức và xét thấy có thể dùng những khả năng ấy để lật đổ kẻ thù chung, để lật đổ chủ nghĩa đế quốc. Quy luật phát triển của chủ nghĩa đế quốc, chiến tranh đế quốc

chủ nghĩa và cách mạng ở Nga đều hoàn toàn xác nhận những kết luận của chủ nghĩa Lê-nin về vấn đề ấy.

Do đó, giai cấp vô sản ở các dân tộc « thống trị » cần phải quyết tâm và tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức và phụ thuộc.

Lẽ dĩ nhiên như thế không có nghĩa là bao giờ và đâu đâu, trong từng trường hợp riêng biệt và cụ thể, giai cấp vô sản đều phải ủng hộ *bất cứ* phong trào dân tộc nào. Vấn đề ở đây là phải ủng hộ những phong trào dân tộc nào nhằm mục đích làm suy yếu và lật đổ chủ nghĩa đế quốc, chứ không phải nhằm duy trì và củng cố chủ nghĩa đế quốc. Có những trường hợp mà những phong trào dân tộc của một số nước bị áp bức, xung đột với lợi ích của sự phát triển của phong trào vô sản. Dĩ nhiên là trong những trường hợp ấy, người ta không thể nói đến ủng hộ được. Vấn đề quyền của các dân tộc không phải là một vấn đề biệt lập và độc lập tự tại, mà là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản, một bộ phận phụ thuộc vào toàn bộ và đòi hỏi phải được nhận xét trên quan điểm toàn bộ. Trong những năm 1840 — 1850, Mác ủng hộ phong trào dân tộc của dân Ba-lan và dân Hung, mà phản đối phong trào dân tộc của dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam. Tại sao? Vì dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam hồi đó là những « dân phản động », là những « tiền đồn của Nga » ở châu Âu, những tiền đồn của chủ nghĩa chuyên chế, còn dân Ba-lan và dân Hung là những « dân cách mạng » đấu tranh chống chủ nghĩa chuyên chế. Vì hồi đó mà ủng hộ phong trào dân tộc của dân Tiệp và dân Sla-vơ miền Nam thì có nghĩa là gián tiếp ủng hộ chế độ Nga hoàng, kẻ thù nguy hiểm nhất của phong trào cách mạng châu Âu.

Lê-nin nói :

« Các yêu sách về dân chủ, kể cả quyền dân tộc tự quyết, không phải là một điều tuyệt đối, mà là một *bộ phận* của toàn bộ phong trào dân chủ (ngày nay là : xã hội chủ nghĩa) *thế giới*. Có thể là trong một số trường hợp cụ thể nào đó, bộ phận lại mâu thuẫn với toàn bộ, lúc đó thì phải vứt bỏ bộ phận đi » (Xem : t. XIX, tr. 257—258)

Đấy, vấn đề về các phong trào dân tộc, về tính chất phản động tạm thời của các phong trào ấy, là như thế, nếu người ta xét những phong trào ấy, cố nhiên không phải trên quan điểm hình thức, không phải trên quan điểm pháp quyền trừu tượng, mà xét một cách cụ thể, trên quan điểm lợi ích của phong trào cách mạng.

Về tính chất cách mạng của các phong trào dân tộc nói chung, thì cũng phải nói như vậy. Bản chất hiển nhiên là cách mạng của tuyệt đại đa số các phong trào dân tộc cũng tương đối và độc đáo như là bản chất phản động tạm thời của một số những phong trào dân tộc khác. Trong những điều kiện của sự áp bức đế quốc chủ nghĩa, tính chất cách mạng của phong trào dân tộc không nhất thiết đòi hỏi phải có sự tham gia của những phần tử vô sản trong phong trào, phải có một cương lĩnh cách mạng hoặc cộng hòa của phong trào, phải có một cơ sở dân chủ của phong trào. Đứng về mặt khách quan mà xét thì cuộc đấu tranh của quốc vương Áp-ga-ni-stan giành độc lập cho nước Áp-ga-ni-stan là một cuộc đấu tranh *cách mạng*, mặc dầu quan điểm của quốc vương và của các bạn chiến đấu của ông ta là những quan điểm có tính chất quân chủ ; vì cuộc đấu tranh đó làm suy yếu, làm tan rã và phá hoại chủ nghĩa đế quốc. Trái lại, cuộc đấu tranh của bọn dân chủ và « xã hội chủ nghĩa » « kịch liệt », của bọn « cách mạng » và bọn cộng hòa, như Kê-ren-ski và Tơ-xê-rê-tê-li, Rơ-nô-đen, Sây-đơ-man, Tơ-séc-nốp và Đan, Hen-déc-xơn

và Cơ-lai-nét trong chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, là một cuộc đấu tranh *phản động*, vì kết quả của nó là hóa trang, củng cố chủ nghĩa đế quốc và làm cho chủ nghĩa đế quốc thắng lợi. Cũng vì những lý do trên đây, nên đứng về mặt khách quan mà xét, thì cuộc đấu tranh của những thương gia và trí thức tư sản Ai-cập để giành độc lập cho Ai-cập là một cuộc đấu tranh *cách mạng*, mặc dầu những lãnh tụ của phong trào dân tộc Ai-cập xuất thân từ giai cấp tư sản và là tư sản, và tuy rằng họ chống lại chủ nghĩa xã hội. Trái lại, chính cũng vì những lý do đó mà cuộc đấu tranh của chính phủ « công nhân » Anh nhằm duy trì nước Ai-cập trong tình trạng phụ thuộc là một cuộc đấu tranh *phản động*, mặc dầu các ủy viên trong chính phủ ấy xuất thân từ giai cấp vô sản và là vô sản, và tuy rằng những kẻ này « tán thành » chủ nghĩa xã hội. Đây là tôi còn chưa nói đến phong trào dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc khác rộng lớn hơn, như Ấn-độ và Trung hoa, mà mỗi bước tiến của họ trên con đường tự giải phóng, dù cho có trái với những yêu cầu của nền dân chủ hình thức, thì cũng không vì thế mà không phải là một nhát búa tạ choảng vào chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là một bước thực sự *cách mạng*.

Lê-nin đã có lý khi Người nói rằng không được đứng trên quan điểm nền dân chủ hình thức mà đánh giá phong trào dân tộc ở các nước bị áp bức, mà phải đứng trên quan điểm những kết quả thiết thực trong sự tổng kết cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc mà đánh giá phong trào đó, nghĩa là « không được đánh giá một cách tách rời mà phải đặt nó trên phạm vi thế giới mà đánh giá ». (Xem t. XIX, tr. 257.)

2. Phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức và cách mạng vô sản. Để giải quyết vấn đề dân tộc, chủ nghĩa Lê-nin xuất phát từ những luận điểm sau đây :

a) Thế giới chia ra hai phe: phe một nhúm nhỏ những dân tộc văn minh nắm giữ tư bản tài chính va bóc lột tuyệt đại đa số dân cư trên trái đất và phe các dân tộc bị áp bức và bị bóc lột ở các nước thuộc địa và các nước phụ thuộc hợp thành đa số nói trên;

b) Các thuộc địa và các nước phụ thnộc bị tư bản tài chính áp bức và bóc lột, là một lực lượng hậu bị hết sức rộng lớn và một nguồn lực lượng rất quan trọng cho chủ nghĩa đế quốc;

c) cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc là con đường duy nhất đối với họ để tự giải phóng khỏi ách áp bức và bóc lột.

d) các nước thuộc địa và phụ thuộc quan trọng nhất đã đi vào con đường vận động giải phóng dân tộc, con đường đó nhất định phải đưa đến khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thế giới;

đ) lợi ích của phong trào vô sản ở các nước tiên tiến và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đòi hỏi cả hai mặt đó của phong trào cách mạng phải kết hợp thành một mặt trận chung chống kẻ thù chung, chống chủ nghĩa đế quốc;

e) thắng lợi của giai cấp công nhân ở các nước tiên tiến và sự giải phóng của các dân tộc bị áp bức khỏi ách chủ nghĩa đế quốc đều không thể có được, nếu không thành lập và củng cố một mặt trận cách mạng chung;

g) việc thành lập một mặt trận cách mạng chung sẽ không thể thực hiện được, nếu giai cấp vô sản thuộc các dân tộc đi áp bức không trực tiếp và cương quyết ủng hộ phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc « nước mình », vì « một dân tộc đi áp bức những dân tộc khác, không thể là một dân tộc tự do được » (*Ăng-ghen*);

h) sự ủng hộ ấy là ở chỗ đưa yêu sách, bảo vệ và thực hành khẩu hiệu: các dân tộc được quyền ly khai và tồn tại thành quốc gia độc lập;

i) không thực hành khẩu hiệu ấy thì không thể tổ chức được sự liên hợp và hợp tác giữa các dân tộc trong một nền kinh tế thế giới duy nhất, cơ sở vật chất của thắng lợi của chủ nghĩa xã hội thế giới:

k) sự liên hợp ấy chỉ có thể là liên hợp tự nguyện dựa trên sự tín nhiệm lẫn nhau và những quan hệ anh em giữa các dân tộc.

Do đó có hai mặt, hai xu hướng trong vấn đề dân tộc: xu hướng giải phóng về mặt chính trị, khỏi các mối liên hệ đế quốc chủ nghĩa và thành lập những quốc gia dân tộc độc lập, xu hướng này xuất hiện trên cơ sở sự áp bức đế quốc chủ nghĩa và sự bóc lột thuộc địa — và xu hướng làm cho các dân tộc gắn bó với nhau về mặt kinh tế, xu hướng này do sự hình thành của một thị trường thế giới và của một nền kinh tế thế giới sinh ra.

Lê-nin nói:

« Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc. Xu hướng thứ nhất là sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và của các phong trào dân tộc, là cuộc đấu tranh chống mọi sự áp bức dân tộc, là sự thành lập các quốc gia dân tộc. Xu hướng thứ hai là sự phát triển và tăng thêm thường xuyên các mối liên hệ về mọi mặt giữa các dân tộc và sự phá hủy các hàng rào dân tộc, việc tạo ra sự thống nhất quốc tế của Tư bản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học, v.v.

Hai xu hướng đó là một quy luật thế giới của chủ nghĩa tư bản. Xu hướng thứ nhất thịnh hành trong lúc chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển, xu hướng thứ hai chỉ rõ đặc điểm của nghĩa tư bản đã chín muồi, đang đi tới chỗ chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa.» (Xem t. XVII, tr. 139 — 140).

Đối với chủ nghĩa đế quốc, hai xu hướng ấy tỏ ra là những mâu thuẫn không thể điều hòa với nhau được,

vì chủ nghĩa đế quốc không thể sống được, nếu không bóc lột các thuộc địa và không dùng vũ lực kìm hãm thuộc địa trong khuôn khổ một « khối duy nhất » ; vì chủ nghĩa đế quốc chỉ có thể làm cho các dân tộc gần gũi nhau bằng con đường thôn tính và chiếm đoạt thuộc địa, không thế thì nói chung, chủ nghĩa đế quốc không thành chủ nghĩa đế quốc.

Trái lại, đối với chủ nghĩa cộng sản thì những xu hướng ấy chỉ là hai mặt của một việc duy nhất, của việc giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách đế quốc chủ nghĩa, vì chủ nghĩa cộng sản hiểu rằng sự liên hợp các dân tộc trong một nền kinh tế thế giới duy nhất, chỉ có thể có được trên cơ sở một sự tín nhiệm lẫn nhau và một sự thỏa thuận tự nguyện ; rằng con đường tạo nên sự liên hợp tự nguyện giữa các dân tộc phải kinh qua việc tách các thuộc địa khỏi cái « khối » đế quốc chủ nghĩa « duy nhất », phải kinh qua sự chuyển biến của các nước đó thành những quốc gia độc lập.

Do đó, cần phải có một cuộc đấu tranh kiên tâm, không ngừng, kiên quyết chống chủ nghĩa sô-vanh chính quốc của bọn « xã hội chủ nghĩa » thuộc các dân tộc thống trị (Anh, Pháp, Mỹ, Ý, Nhật, v.v.) là bọn không muốn đánh đổ chính phủ đế quốc chủ nghĩa của chúng, không muốn ủng hộ các dân tộc bị áp bức ở các thuộc địa « của chúng » trong khi họ đấu tranh để thoát ách nô lệ để tách ra và lập thành những quốc gia độc lập.

Không có một cuộc đấu tranh như thế, thì không thể nào giáo dục được giai cấp công nhân các dân tộc thống trị, theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế chân chính, theo tinh thần gần gũi với quần chúng cần lao các nước phụ thuộc và các thuộc địa, theo tinh thần chuẩn bị thực sự cuộc cách mạng vô sản. Cách mạng có lẽ đã không

thể thắng lợi ở Nga, và Côn-tsắc cùng Đê-ni-kin có lẽ đã không bị đánh bại, nếu giai cấp vô sản Nga không có được cảm tình và sự ủng hộ của các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga cũ. Nhưng muốn tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của các dân tộc ấy, thì nước Nga trước hết phải bẻ gẫy xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc Nga và giải thoát các dân tộc ấy khỏi sự áp bức dân tộc.

Không thế, thì có lẽ đã không có thể củng cố được chính quyền xô-viết, xây dựng được chủ nghĩa quốc tế chân chính và sáng lập được tổ chức hợp tác tuyệt diệu của các dân tộc lấy tên là liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, một hiện thân sống của sự liên hợp tương lai của các dân tộc tập hợp trong một nền kinh tế thế giới duy nhất.

Do đó, cần phải đấu tranh chống xu hướng chỉ bo bo trong khuôn khổ thuần túy dân tộc, tinh thần hẹp hòi, tinh thần cục bộ của bọn xã hội chủ nghĩa ở các nước bị áp bức, họ không muốn nhìn xa ra ngoài bờ cõi nước họ, và không hiểu mối liên hệ ràng buộc phong trào giải phóng nước họ với phong trào vô sản ở những nước thống trị.

Không có một cuộc đấu tranh như thế, thì không thể bảo vệ được chính sách độc lập mà giai cấp vô sản thuộc những dân tộc bị áp bức, phải tiến hành: không thể bảo vệ được tình đoàn kết giai cấp của nó với giai cấp vô sản các nước thống trị trong cuộc đấu tranh để lật đổ kẻ thù chung, trong cuộc đấu tranh để lật đổ chủ nghĩa đế quốc.

Không có cuộc đấu tranh này, thì không thể thực hiện được chủ nghĩa quốc tế.

Đó là con đường phải theo để giáo dục quần chúng cần lao các dân tộc thống trị và các dân tộc bị áp bức, theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế cách mạng.

Về hai nhiệm vụ ấy của chủ nghĩa cộng sản trong việc giáo dục công nhân theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế, Lê-nin nói như sau:

« Đối với các dân tộc lớn đi áp bức và các dân tộc nhỏ bị áp bức, đối với các dân tộc đi thôn tính và các dân tộc bị thôn tính, thì nền giáo dục đó có thể... *giống nhau một cách cụ thể* không?

Hiển nhiên là không. Việc đi đến một mục đích duy nhất — tức là sự bình đẳng hoàn toàn, sự gần gũi mật thiết nhất, và việc *hợp nhất* sau này của *tất cả* các dân tộc, — lẽ dĩ nhiên là ở đây, có thể tiến theo nhiều con đường cụ thể khác nhau; cũng như muốn đi đến, chẳng hạn, một điểm ở giữa trang giấy, người ta có thể bắt đầu đi từ rìa phía tả hay từ rìa phía hữu. Nếu khi tuyên truyền việc hợp nhất các dân tộc nói chung, một người xã hội-dân chủ ở một dân tộc lớn xâm lược đi áp bức, lại quên, mặc dầu chỉ quên trong giây lát, rằng Ni-cô-la II « của mình », Guy-ôm, Gioóc-giơ, Poăng-ca-rê « của mình » và v.v., *chính chúng cũng đều tán thành hợp nhất* với các dân tộc nhỏ (hợp nhất bằng những cuộc thôn tính) — Ni-cô-la II tán thành « hợp nhất » với xứ Ga-li-xi, Guy-ôm II thì tán thành « hợp nhất » với nước Bỉ v.v. — một người xã hội-dân chủ như thế, thì về mặt lý luận là một kẻ giáo điều lố bịch, và về mặt thực tiễn, là kẻ phụ lực của chủ nghĩa đế quốc.

Trọng tâm của việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho công nhân ở các nước đi áp bức tất nhiên phải là tuyên truyền và bảo vệ quyền tự do ly khai của các nước bị áp bức. Nếu không thì *không có* chủ nghĩa quốc tế. Bất cứ người xã hội-dân chủ nào thuộc một dân tộc đi áp bức, mà *không* tuyên truyền như thế, thì chúng ta có quyền và có nhiệm vụ coi người đó là một tên đế quốc, là một kẻ vô lại. Đó là một yêu sách tuyệt đối, dù cho trước ngày chủ nghĩa xã hội ra đời, trong một nghìn trường hợp, chỉ *mỗi một trường hợp* là có thể có được và « có thể thực hiện » được sự ly khai như thế.

Trái lại, người xã hội-dân chủ thuộc một dân tộc nhỏ có nhiệm vụ phải lấy *phần thứ nhất* trong công thức của chúng ta là « *liên hợp* tự nguyện » giữa các dân tộc làm trọng tâm

công tác tuyên truyền của mình. Người đó có thể *vừa* chủ trương độc lập chính trị của dân tộc mình, *vừa* chủ trương sáp nhập dân tộc mình vào một nước láng giềng X, Y, *Z*, v.v, mà không vi phạm nghĩa vụ của một người quốc tế chủ nghĩa. Nhưng, ở mọi trường hợp, người đó, đều phải đấu tranh *chống* tinh thần hẹp hòi của dân tộc nhỏ bé, chống xu hướng bo bo chỉ biết có mình, tự cô lập mình và phải chú trọng đến lợi ích toàn bộ và chung, đặt lợi ích riêng phụ thuộc vào lợi ích chung.

Những người chưa nghiên cứu sâu vấn đề đều cho rằng những người xã hội-dân chủ thuộc các dân tộc đi áp bức nhấn mạnh «quyền tự do *ly khai*», còn những người xã hội-dân chủ thuộc các dân tộc bị áp bức lại nhấn mạnh vào «quyền tự do *liên hợp*», như thế là hai việc «trái ngược nhau». Nhưng chỉ cần suy nghĩ một chút là thấy ngay rằng trong hoàn cảnh *như thế* thì không có và không thể có con đường *nào khác* để đi tới chủ nghĩa quốc tế và hợp nhất các dân tộc.» (Xem t. XIX, tr. 216 — 262).

Sta-lin : *Những cơ sở của chủ nghĩa Lê-nin*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tr. 77 — 89.

NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC THUỘC ĐỊA VÀ PHỤ THUỘC Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Chúng ta hãy nói sang vấn đề thứ hai, vấn đề những nhiệm vụ của trường Đại học của những người lao động phương Đông đối với những nước thuộc địa và phụ thuộc ở phương Đông.

Những đặc điểm của sự tồn tại và phát triển của những nước đó, khác với những nước Cộng hòa xô-viết phương Đông, là những gì?

Một là, những nước ấy sống và phát triển dưới ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc.

Hai là, hai ách áp bức, ách bên trong (của bọn tư sản các nước ấy), và ách bên ngoài (của bọn tư sản nước ngoài), đang làm cho cuộc khủng hoảng cách mạng trong các nước ấy thêm trầm trọng và sâu sắc.

Ba là, trong một số những nước ấy, chẳng hạn như Ấn-độ, chủ nghĩa tư bản phát triển theo một tốc độ rất nhanh, đang làm nảy nở và hình thành một giai cấp vô sản bản xứ tương đối đông đảo.

Bốn là, cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, giai cấp tư sản dân tộc các nước ấy phân ra làm hai bộ phận, một bộ phận cách mạng (tiểu tư sản) và một bộ phận thỏa hiệp (đại tư sản): bộ phận thứ nhất tiếp tục đấu tranh cách mạng, còn bộ phận thứ hai liên minh với chủ nghĩa đế quốc.

Năm là, bên cạnh khối liên minh đế quốc chủ nghĩa, trong các nước ấy, người ta thấy có một khối liên minh khác nữa, khối những công nhân và tiểu tư sản cách mạng, khối phản đế; khối này nhằm mục đích giải phóng hoàn toàn khỏi ách của chủ nghĩa đế quốc.

Sáu là, vấn đề độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong nước ấy và vấn đề giải phóng quần chúng nhân dân khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản dân tộc thỏa hiệp, đều có một tính chất thời sự ngày càng bức thiết.

Bảy là, hoàn cảnh đó làm cho sự liên minh giữa phong trào giải phóng dân tộc của các nước ấy với phong trào vô sản của các nước tiên tiến phương Tây được dễ dàng rất nhiều.

Do đó, ít ra cũng rút ra được ba kết luận:

1. Không thể giải phóng các nước thuộc địa và phụ thuộc khỏi chủ nghĩa đế quốc được, nếu không có một cuộc cách mạng thành công; không thể nào có độc lập, nếu không làm gì để giành độc lập.

2. Không thể nào đẩy mạnh cách mạng tiến lên và giành độc lập hoàn toàn cho các nước thuộc địa và phụ thuộc đã phát triển về mặt tư bản chủ nghĩa, nếu không cô lập được giai cấp tư sản dân tộc thỏa hiệp, không giải phóng được các quần chúng tiểu tư sản cách mạng khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản ấy, không thực hiện được chính sách độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, không tổ chức được các phần tử tiên tiến của giai cấp công nhân thành một đảng cộng sản độc lập.

3. Không thể có thắng lợi vững chắc trong các nước thuộc địa và phụ thuộc, nếu không có một sự liên minh thật sự giữa phong trào giải phóng các nước ấy và phong trào vô sản các nước tiên tiến phương Tây.

Nhiệm vụ cơ bản của những người cộng sản các nước thuộc địa và phụ thuộc là, trong công tác cách mạng của mình, phải xuất phát từ những kết luận ấy.

Trong tình hình đó, những nhiệm vụ trước mắt của phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và phụ thuộc là gì?

Đặc điểm của những nước thuộc địa và phụ thuộc hiện nay là: trong thực tế, không còn có một phương Đông thuộc địa thống nhất, bao gồm tất cả nữa. Xưa kia, người ta coi phương Đông thuộc địa là một khối thống nhất và đồng nhất. Ngày nay, ý niệm ấy không phù hợp với thực tế nữa. Hiện nay, có ít ra là ba loại nước thuộc địa và phụ thuộc. Thứ nhất là những nước như Ma-rốc, không có hay gần như không có giai cấp vô sản của mình, và hoàn toàn không phát triển về mặt công nghiệp. Thứ hai là những nước như Trung-quốc và Ai-cập ít phát triển về mặt công nghiệp, và có một giai cấp vô sản tương đối ít. Thứ ba là những nước như Ấn-độ đã phát triển ít nhiều về mặt tư bản chủ nghĩa và có một giai cấp vô sản dân tộc tương đối đông đảo.

Như thế, rõ ràng là không thể nào lại xếp những nước ấy vào cùng một loại được.

Đối với những nước như Ma-rốc, nơi mà giai cấp tư sản dân tộc chưa có cơ sở để phân ra thành hai bộ phận cách mạng và thỏa hiệp, thì nhiêm vụ của những người cộng sản là phải tìm đủ mọi cách để lập một mặt trận dân tộc thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc. Sự tập hợp những phần tử cộng sản thành một đảng duy nhất tại các nước ấy, chỉ có thể thực hiện được trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nhất là sau khi cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc thắng lợi.

Trong những nước như Ai-cập hay Trung-quốc, nơi mà giai cấp tư sản dân tộc đã phân ra làm hai bộ phận cách mạng và thỏa hiệp, nhưng bộ phận thỏa hiệp của giai cấp tư sản chưa thể liên hợp với chủ nghĩa đế

quốc, thì những người cộng sản ở đó không thể nào tự đặt cho mình mục đích là lập mặt trận dân tộc thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc được nữa. Từ chính sách mặt trận dân tộc thống nhất, những người cộng sản trong các nước ấy phải chuyển qua chính sách lập khối liên minh cách mạng giữa công nhân và tiểu tư sản. Trong những nước đó, khối ấy có thể mang hình thức một đảng thống nhất, một đảng công nông, nhưng với điều kiện là đảng kiểu đặc biệt ấy phải *thật sự* tiêu biểu cho khối liên minh giữa hai lực lượng: đảng cộng sản và đảng của giai cấp tiểu tư sản cách mạng. Vạch rõ tính chất nửa vời và tính không triệt để của giai cấp tư sản dân tộc và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, đó là những nhiệm vụ của khối ấy. Một đảng có hai thành phần đó là đảng cần thiết và có ích, nếu nó không bó tay đảng cộng sản, nếu nó không ngăn cản tự do của đảng cộng sản trong công tác cổ động và tuyên truyền, nếu nó không ngăn cản việc tập hợp những người vô sản chung quanh đảng cộng sản, nếu nó làm cho công cuộc lãnh đạo thực sự của đảng cộng sản đối với phong trào cách mạng được dễ dàng. Đảng có hai thành phần đó là đảng không cần thiết và vô ích, nếu nó không đáp ứng đầy đủ được tất cả những điều kiện nói trên, vì trong trường hợp đó, nó chỉ có thể đưa đến kết quả là hòa tan các phần tử cộng sản vào trong hàng ngũ của giai cấp tư sản, làm cho đảng cộng sản mất đạo quân vô sản.

Trong những nước như Ấn-độ, thì hơi khác. Điều căn bản và mới trong điều kiện tồn tại của những thuộc địa như Ấn-độ, không những là ở chỗ giai cấp tư sản dân tộc đã chia ra thành hai bộ phận, cách mạng và thỏa hiệp, mà trước hết còn là ở chỗ bộ phận thỏa hiệp của giai cấp tư sản ấy, về căn bản, đã câu kết với chủ nghĩa

đế quốc. Bộ phận ấy của giai cấp tư sản, giầu có nhất và có thế lực nhất, hoàn toàn đứng về phe kẻ thù không đội trời chung của cách mạng, liên minh với chủ nghĩa đế quốc để chống lại công nhân và nông dân của chính ngay nước nó, vì nó sợ cách mạng hơn sợ chủ nghĩa đế quốc, nó lo cho quyền lợi của két bạc của nó hơn là cho lợi ích của Tổ quốc. Nếu không đập tan được khối liên minh ấy, thì cách mạnh không thể nào thành công được. Nhưng muốn đập tan được khối đó, cần phải tập trung hỏa lực vào giai cấp tư sản dân tộc thỏa hiệp, bằng cách vạch trần sự phản bội của chúng, giải thoát quần chúng lao động khỏi ảnh hưởng của chúng và chuẩn bị một cách có hệ thống những điều kiện cần thiết để thực hiện độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Nói một cách khác, trong các thuộc địa như Ấn-độ, thì phải chuẩn bị cho giai cấp vô sản nắm vai trò lãnh đạo trong phong trào giải phóng, từng bước một đẩy giai cấp tư sản và những kẻ phát ngôn của chúng ra khỏi cái vị trí quang vinh ấy. Nhiệm vụ là: phải thành lập một khối liên minh cách mạng chống đế quốc và bảo đảm quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong khối ấy. Khối liên minh ấy có thể mang, nhưng không nhất thiết là bao giờ cũng phải mang hình thức một đảng công nông thống nhất, gắn bó chặt chẽ bằng một cương lĩnh thống nhất. Đảng cộng sản trong nước ấy phải độc lập, đó là khẩu hiệu cơ bản của những phần tử cộng sản tiên tiến, vì quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản chỉ có thể do đảng cộng sản chuẩn bị và thực hiện thôi. Nhưng đảng cộng sản có thể và phải tham gia khối liên minh công khai với phái cách mạng của giai cấp tư sản để, sau khi cô lập được bọn tư sản dân tộc thỏa hiệp rồi, có thể lôi cuốn được hàng triệu quần chúng tiểu tư sản ở thành thị và nông thôn theo mình tham gia vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Do đó, những nhiệm vụ trước mắt của phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và phụ thuộc đã phát triển về mặt tư bản chủ nghĩa là phải:

1. Thu hút về phía chủ nghĩa cộng sản, những phần tử ưu tú nhất của giai cấp công nhân và thành lập những đảng cộng sản độc lập.

2. Thành lập một liên minh cách mạng dân tộc của công nhân, nông dân và trí thức cách mạng để chống lại liên minh của tư sản dân tộc thỏa hiệp và chủ nghĩa đế quốc.

3. Bảo đảm quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong liên minh ấy.

4. Đấu tranh để giải thoát tiểu tư sản thành thị và nông thôn khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản thỏa hiệp.

5. Bảo đảm sự liên minh giữa phong trào giải phóng với phong trào vô sản ở các nước tiên tiến.

Đó là ba loại nhiệm vụ trước mắt đề ra cho các chiến sĩ hoạt động trong các nước thuộc địa và phụ thuộc ở phương Đông.

Những nhiệm vụ ấy có một tính chất đặc biệt trọng đại và một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nếu người ta nhận định nó dưới ánh sáng của tình hình quốc tế hiện nay. Đặc điểm của tình hình quốc tế hiện nay là phong trào cách mạng đã bước vào một thời kỳ tạm dịu đi. Nhưng tạm dịu đi nghĩa là gì, hiện nay thời kỳ tạm dịu đi đó có nghĩa là thế nào? Nó chỉ có thể có nghĩa là áp lực đối với các công nhân phương Tây, đối với các thuộc địa ở phương Đông và, trước hết, đối với Liên-xô, nước đang cầm cờ dẫn đầu phong trào cách mạng của tất cả các nước, sẽ tăng lên. Chắc chắn là sự chuẩn bị gây sức ép ấy đối với Liên-xô đã bắt đầu trong hàng ngũ bọn đế quốc. Chiến dịch vu cáo nhân vụ bạo động ở E-stô-ni, chiến dịch khiêu khích

chống lại Liên-xô nhân vụ bom nổ ở Xô-phi-a, chiến dịch chung của báo chí tư sản chống lại nước chúng tôi, — tất cả những sự kiện ấy là bước chuẩn bị cho một cuộc tấn công. Đây là cuộc chuẩn bị đột phá về mặt dư luận xã hội nhằm làm cho những người tầm thường quen với việc công kích Liên-xô và tạo ra những tiền đề tinh thần cho một cuộc can thiệp quân sự. Kết quả của chiến dịch vu cáo và dối láo sẽ như thế nào? Bọn đế quốc có dám liều mạng tấn công thực sự chăng? Sau này chúng ta sẽ thấy. Song những việc công kích ấy sẽ không mang lại điều gì tốt cho các thuộc địa cả, đó là điều không có gì nghi ngờ được. Vì thế, vấn đề chuẩn bị một cuộc phản công của các lực lượng liên hợp của cách mạng để ngăn ngừa miếng đòn rất có thể xảy ra ấy của chủ nghĩa đế quốc, là một vấn đề cấp thiết, không thể tránh khỏi.

Cho nên việc hoàn thành triệt để các nhiệm vụ cấp thiết của phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và phụ thuộc hiện nay có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

Trong tình hình đó, sứ mệnh của trường Đại học các dân tộc phương Đông đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc là gì? Sứ mệnh ấy là phải chú trọng đến tất cả những đặc điểm của phong trào cách mạng trong các nước ấy và đào tạo những cán bộ từ các nước ấy đến, theo cái hướng bảo đảm việc hoàn thành các nhiệm vụ khác nhau trước mắt đã đề ra trên kia.

Trường Đại học các dân tộc phương Đông gồm 10 nhóm sinh viên khác nhau, từ các nước thuộc địa và phụ thuộc đến nước chúng tôi. Ai nấy đều biết rằng những đồng chí ấy khao khát kiến thức và hiểu biết. Nhiệm vụ của trường Đại học các dân tộc phương Đông là phải rèn luyện họ trở thành những chiến sĩ

cách mạng chân chính, được võ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Lê-nin, nắm được kinh nghiệm thực tiễn của chủ nghĩa Lê-nin và có khả năng hoàn thành một cách hoàn toàn tự nguyện các nhiệm vụ trước mắt của phong trào giải phóng trong các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Trong khi làm như vậy, ta không được quên rằng trong công tác thực tiễn của các cán bộ tích cực của phương Đông thuộc địa, có hai thiên hướng lệch lạc cần phải tẩy trừ mới đào tạo được những cán bộ chân chính cách mạng.

Thiên hướng thứ nhất là đánh giá quá thấp những khả năng cách mạng của phong trào giải phóng, và đánh giá quá cao ý kiến về một mặt trận dân tộc thống nhất hết sức rộng rãi, trong các nước thuộc địa và phụ thuộc, không kể tình trạng và trình độ phát triển của các nước ấy là như thế nào. Đó là thiên hướng hữu khuynh có nguy cơ hạ thấp phong trào cách mạng xuống và hòa tan các phần tử cộng sản vào trong đội hợp xướng chung của bọn dân tộc chủ nghĩa tư sản. Đấu tranh kiên quyết chống khuynh hướng ấy là bổn phận trực tiếp của trường Đại học các dân tộc phương Đông.

Thiên hướng thứ hai là đánh giá quá cao những khả năng cách mạng của phong trào giải phóng và đánh giá thấp công tác liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Hình như những người cộng sản ở Gia-va đã phạm vào thiên hướng đó, vì mới đây họ đã phạm sai lầm là đưa ra khẩu hiệu lập Chính quyền xô-viết cho nước họ. Đó là một khuynh hướng tả khuynh có nguy cơ làm cho đảng cộng sản tách rời quần chúng và biến thành một phe phái hẹp hòi. Đấu tranh kiên quyết chống thiên

hướng ấy là điều kiện tất yếu để đào tạo những cán bộ thực sự cách mạng cho các nước thuộc địa và phụ thuộc ở phương Đông.

Nói chung, đó là những nhiệm vụ chính trị của trường Đại học các dân tộc phương Đông đối với các dân tộc phương Đông xô-viết và thuộc địa phương Đông.

Chúng ta hy vọng rằng trường Đại học các dân tộc phương Đông sẽ làm tròn những nhiệm vụ ấy một cách vẻ vang.

Sta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1966, t.7, tr. 143 — 150

Trích

BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN (b) TOÀN LIÊN-XÔ

Chúng ta nói đến loại mâu thuẫn thứ hai, tức là những mâu thuẫn giữa những nước đế quốc chủ nghĩa và những nước thuộc địa.

Những sự việc chủ yếu trong lĩnh vực này là : sự phát triển và sự lớn mạnh của công nghiệp và của giai cấp vô sản trong các nước thuộc địa, nhất là trong và sau chiến tranh ; sự trưởng thành của nền văn hóa nói chung và của giới trí thức dân tộc nói riêng, trong những nước đó ; sự lớn mạnh của phong trào cách mạng dân tộc trong các nước thuộc địa và nạn khủng hoảng của nền thống trị thế giới của chủ nghĩa đế quốc, nói chung ; cuộc đấu tranh giải phóng của Ấn độ và của Ai-cập chống chủ nghĩa đế quốc Anh ; cuộc chiến tranh giải phóng của Xy-ri và Ma-rốc chống chủ nghĩa đế quốc Pháp ; cuộc đấu tranh giải phóng của Trung-quốc chống chủ nghĩa đế quốc Anh — Nhật — Mỹ, v.v. ; sự trưởng thành của phong trào công nhân ở Ấn-độ, Trung-quốc và vai trò ngày càng lớn của giai cấp công nhân những nước đó trong phong trào cách mạng dân tộc.

Do đó đi đến kết luận là các cường quốc đang đứng trước nguy cơ mất hậu phương chủ yếu của họ, tức là những thuộc địa của họ. Ở đây, sự ổn định của chủ

nghĩa tư bản đang khập khiễng cả hai chân, vì phong trào cách mạng trong các nước bị áp bức ngày đang lớn mạnh, có nơi phong trào đó bắt đầu mang hình thức một cuộc chiến tranh công khai chống chủ nghĩa đế quốc (Ma-rốc, Xy-ri, Trung-quốc), mà chủ nghĩa đế quốc rõ ràng là không đảm đương nổi cái nhiệm vụ là áp chế những thuộc địa « của mình ».

Người ta — nhất là những nhà văn tư sản — cho rằng nạn khủng hoảng đang tăng lên ở các nước thuộc địa là do những người bôn-sê-vích gây ra. Tôi cần phải nói rằng người ta đã dành cho chúng ta quá nhiều vinh dự bằng cách buộc tội chúng ta như thế. Tiếc thay, chúng ta chưa đủ sức để giúp đỡ trực tiếp tất cả các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh để giải phóng đất nước của họ. Nguyên nhân đó còn phải tìm sâu hơn nữa. Một trong những nguyên nhân là ở chỗ các nước châu Âu, do phải trả lãi những món nợ vay của Mỹ, nên đã bắt buộc phải tăng cường áp bức và bóc lột trong các thuộc địa và các nước phụ thuộc. Điều đó không thể không dẫn đến chỗ làm cho cuộc khủng hoảng thêm trầm trọng và làm cho phong trào cách mạng trong các nước đó lớn mạnh thêm.

Tất cả những điều trên đây chứng tỏ rằng, về mặt này, tình hình của chủ nghĩa đế quốc thế giới còn tệ hơn nữa. Nếu về mặt trên kia, về mặt những mâu thuẫn thuộc loại thứ nhất, chủ nghĩa tư bản châu Âu đã được ổn định một phần, và vấn đề giai cấp vô sản ngày một ngày hai sẽ giành chính quyền còn chưa được đặt ra, thì ở các thuộc địa, cuộc khủng hoảng đã lên đến tột độ, và ở nhiều thuộc địa, việc đánh đuổi bọn đế quốc chủ nghĩa đang được đề ra trước mắt.

Sta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1966, t. 7, tr. 258-259.

MỤC LỤC

In 10.200 cuốn tại Nhà máy in Tiến bộ Hà-nội
Khổ 13 × 19 — Xong ngày 30-2-1970 — Số XB : 33
Số in : 1158 — Gửi lưu chiểu tháng 2 năm 1970.

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Phan-tiến-Tích
Phụ trách bản thảo
Phạm-Thành
Trình bày : *Trịnh-Lễ*

ĐÃ XUẤT BẢN

V. LÊ-NIN

— VẤN ĐỀ NHÀ NƯỚC

— CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Giá: 0 đ. 26